
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

VƯỢT COVID – VỮNG TƯƠNG LAI

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN	4
1. Thông điệp từ Chủ tịch	4
2. Tổng quan doanh nghiệp	6
2.1. Quá trình hình thành phát triển.....	6
2.2. Tư tưởng cốt lõi và giá trị cốt lõi.....	6
2.3. Thông tin chung về công ty.....	6
2.4. Các danh hiệu và giải thưởng.....	7
2.5. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản 2019 -2020.....	8
II. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	11
1. Môi trường kinh tế vĩ mô	11
2. Mô hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn	11
2.1. Cấu trúc hiện tại của Tập đoàn.....	11
2.2. Dữ liệu tài chính của các mảng hoạt động thuộc Tập đoàn.....	12
3. Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và đánh giá tình hình hoạt động trong mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn	13
3.1. Mảng dược phẩm - Công ty Cổ phần Dược Cửu Long (DCL).....	13
3.2. Mảng thực phẩm - Công ty CP Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (Westfood).....	14
3.3. Kinh doanh sản xuất ngành hàng tiêu dùng nhanh – Công ty Cổ phần F.I.T Consumer.....	15
3.4. Lĩnh vực đồ uống – Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa.....	16
3.5. Lĩnh vực nông nghiệp – Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ.....	16
3.6. Lĩnh vực bất động sản – Công ty CP Mũi Dinh Ecopark.....	17
3.7. Hoạt động của Công ty mẹ:.....	17
3.8. Định hướng phát triển.....	18
III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	19
1. Sơ đồ tổ chức hoạt động của Tập đoàn	19
2. Tổ chức nhân sự	20
2.1. Hội đồng quản trị và Ban điều hành.....	20
2.2. Thành phần Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu.....	21
2.3. Cơ cấu Tiểu ban đầu tư.....	22
3. Chính sách đối với người lao động	24
4. Trách nhiệm đối với cộng đồng tại địa phương	24
5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 22/3/2021	25
6. Các đợt tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T trong năm 2020	25
7. Cấu trúc của các công ty trong Tập đoàn	26
8. Thông tin của các công ty con do F.I.T sở hữu	27
8.1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long.....	27
8.2. Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ.....	27
8.3. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại F.I.T Việt Nam.....	27
8.4. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản FIT.....	27
9. Báo cáo của Hội đồng quản trị	28
9.1. Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị.....	28
9.2. Công tác chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	28
9.3. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.....	29
9.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.....	30
10. Báo cáo hoạt động của ban điều hành	31
10.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.....	31
10.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:.....	33
11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát	34
11.1. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	34
11.2. Kết quả kiểm tra, giám sát.....	34

11.3. Phương hướng hoạt động 2021 của Ban kiểm soát	35
12. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD.....	36
12.1. HĐQT, BKS.....	36
12.2. Ban Tổng Giám đốc	36
13. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan với công ty niêm yết.....	36
13.1. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan.	36
13.2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:	37
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN.....	38



I. TỔNG QUAN

1. Thông điệp từ Chủ tịch

Kính thưa Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư!

Năm 2020 là một năm đặc biệt khó khăn của nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam. Đại dịch Covid-19 và hệ quả là việc phong tỏa trên diện rộng kéo dài tại nhiều quốc gia trên thế giới đã làm cho nền kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng đình trệ, các hoạt động giao thương kinh tế và các chuỗi cung ứng bị gián đoạn.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt nam trong năm 2020 đã ghi nhận tăng trưởng GDP ở mức 2.91%, lạm phát thể hiện qua chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng trung bình 3.23%. Mặc dù tăng trưởng kinh tế dương, nhưng các số liệu cho thấy các doanh nghiệp trong nước phần lớn đã và vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Theo khảo sát của Tổng cục thống kê cuối năm 2020, có tới tới 86% số doanh nghiệp lớn cho biết bị tác động tiêu cực bởi Covid-19, trong khi tỷ lệ này đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là 82,6%.

Sự khó khăn chung của nền kinh tế đã là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của FIT Group. Tuy nhiên, cán bộ công nhân viên cả Tập đoàn đã nỗ lực tối đa để kết thúc năm tài chính với một kết quả không xấu hơn nhiều so với năm 2019. Cụ thể, doanh thu đạt 1.188 tỷ đồng - tương đương với năm 2019, trong khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 108 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 83 tỷ đồng - chỉ thấp hơn khoảng 8% so với năm 2019. Đây là kết quả chấp nhận được trong bối cảnh hiện tại, nếu không muốn nói là thành công hơn nhiều so với lo ngại ban đầu khi đại dịch xảy ra.

Nhằm tạo tiền đề chuẩn bị cho sự hồi phục và phát triển của nền kinh tế và FIT Group trong năm 2021 và những năm tiếp theo. Cụ thể như sau:

Mãng Dược phẩm: Năm 2020 DCL tiếp tục tài trợ cho các nghiên cứu khoa học tại các bệnh viện trong nước, phát triển hệ thống bán hàng theo mô hình kinh doanh mới để gia tăng độ phủ của các chi nhánh. Kể từ 14/08/2020, DCL đã thay đổi logo và tên miền mới. Logo mới được thiết kế dựa trên logo cũ, phần Logotype “Cuu Long Pharmaceutical JSC.” được thay cho logotype “For Health – For Life” của logo cũ. Theo đó các sản phẩm của DCL sẽ được thiết kế lại theo hệ thống nhận diện mới. Năm 2020, DCL đã xin được visa cho 2 loại thuốc chống ung thư, đây là các loại thuốc điều trị trong ung thư có nhu cầu cao tại Việt Nam. Đặc biệt và nổi bật là trong tháng 4 năm 2021 DCL đã khởi công xây dựng Nhà máy Vật tư Y tế Benovas và dự kiến sẽ đưa vào thương mại thuốc điều trị thuốc ung thư trong tháng 6 năm 2021.

Mãng Thực phẩm: Trước diễn biến khó khăn của đại dịch, Westfood đã đầu tư máy móc như máy cân và đóng gói tự động cho sản phẩm đông lạnh IQF trên 9 tỷ đồng, công suất đạt 3600 sản phẩm/giờ, đồng thời đầu tư dây chuyền hơn 12 tỷ đồng để đóng gói ly nhựa trái cây loại 200g và 120g với công suất 5400 ly/giờ. Các công nghệ mới vừa giải quyết được tình trạng thiếu hụt lao động, vừa xử lý vi sinh hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, các mặt hàng đóng gói cũng được chuyển dịch cơ cấu từ loại lớn sang loại nhỏ dành cho thị trường bán lẻ để các kênh bán hàng online dễ phục vụ trực tiếp đến tay người tiêu dùng.

Đối với thị trường nội địa, Westfood cũng đã đẩy mạnh đưa các sản phẩm vào các cửa hàng và siêu thị trong nước. Bên cạnh đó Westfood cũng đang đẩy mạnh phát triển VNL dứa MD2 tại Sóc Trăng với mục tiêu 700ha. Tháng 12.2020 Westfood được vinh danh là Top 10 Thương hiệu mạnh Asean – 2020.

Mãng nước giải khát: Vikoda đã thay đổi bao bì và nhãn mác một số sản phẩm phù hợp với xu thế như Nước tăng lực khoáng Sumo – Nước tăng lực duy nhất sản xuất trên nền khoáng thiên nhiên, Yến sào Vikonest. Đặc biệt ra mắt 2 sản phẩm Vikoda Soda và Vikoda Alkaline bao bì lon nhôm, giúp bảo vệ môi trường và đi đầu xu thế giảm thiểu rác thải nhựa. Do tình hình dịch bệnh nên Vikoda đã cắt giảm các chi phí marketing không còn phù hợp để tiết kiệm chi phí.

Mãng Tiêu dùng nhanh: Năm 2020, bắt kịp xu thế FCO đã liên tục cho ra mắt các sản phẩm mới như Gel rửa tay không dùng nước Dr. Clean, Dung dịch rửa tay sát khuẩn Dr.Cleanex.PRO, nước rửa chén Tero can lớn 3.2kg hương Chanh và Quế cam.

Bắt động sản và nghỉ dưỡng: FIT Group cùng Crystal Bay là chủ đầu tư của dự án Khu du lịch trải nghiệm Mũi Dinh Paradan với diện tích 766ha – dự án đạt giải Nhất về thiết kế resort tại CitiScape 2019. Dự án sẽ được khởi công vào 6.2021.

Với những kết quả đạt được trong năm 2020, đặc biệt là các điểm nhấn hoạt động chuẩn bị cho sự phục hồi kinh tế năm 2021 và các năm tiếp theo, FIT Group có thể tin tưởng rằng con đường phía trước, những năm tới, sẽ thuận lợi hơn sau khi đại dịch được kiểm soát. Việc xây dựng nhà máy vật tư y tế Benovas tháng 4/2021 và đưa vào thương mại thuốc trị ung thư tháng 6/2021, cùng với việc khởi công dự án bắt động sản nghỉ dưỡng Mũi Dinh Paradan vào tháng 6/2021 sẽ đánh dấu những mốc nổi bật trên con đường phát triển của Tập đoàn. Sự phát triển ấy có công sức của tất cả chúng ta – từ cán bộ công nhân viên tới các cổ đông đã luôn tin tưởng và đóng góp vào chiến lược phát triển chung của Tập đoàn.

Chúc Quý vị một năm mới An Khang, Thịnh Vượng!

 **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

Nguyễn Văn Sang

2. Tổng quan doanh nghiệp

2.1. Quá trình hình thành phát triển

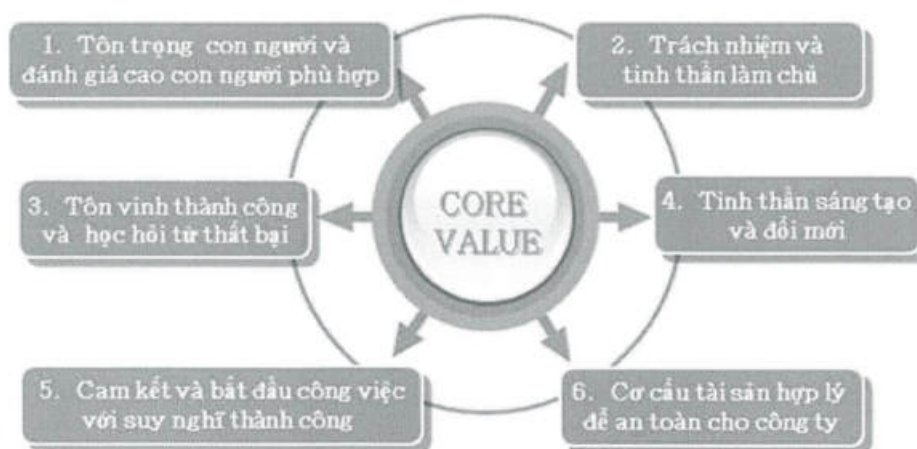
- **2007:** Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T tiền thân của Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T
- **2012:**
 - + Sau 5 năm thành lập, F.I.T tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 350 tỷ đồng. Tập trung chính vào hoạt động tài chính và tư vấn đầu tư;
 - + Đầu tư liên kết với Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam, đặt nền móng cho Công ty “holding” trong tương lai.
- **2013:** Niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán HNX – mã cổ phiếu F.I.T
- **2014:** F.I.T sở hữu chi phối TSC- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (bao gồm các công ty con là CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây – Westfood, Công ty Cổ phần Nông dược TSC)
- **2015:**
 - + Trở thành cổ đông chi phối của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long.
 - + Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa (VIKODA) trở thành công ty liên kết
- **2017:**
 - + Tăng vốn điều lệ lên 2.547 tỷ đồng.
 - + Thâu tóm thành công Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm- trước đây là Công ty liên doanh giữa Canada và Việt Nam.
 - + Thành lập Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas – Công ty đầu tiên sản xuất thuốc ung thư tại Việt Nam với công nghệ tiên tiến nhất.
- **2019:** Thoái vốn tại công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm, đem lại dòng tiền lớn cho Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long phục vụ các kế hoạch mở rộng các nhà máy trong tương lai.

2.2. Tư tưởng cốt lõi và giá trị cốt lõi

Tư tưởng cốt lõi

F.I.T là Tập Đoàn đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp.

Giá trị cốt lõi



2.3. Thông tin chung về công ty

- Tên Công ty: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn F.I.T
- Ngày thành lập: 08/03/2007
- Mã chứng khoán: FIT
- Vốn điều lệ: 2.547.302.470.000 VND
- Trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex Building, số 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 7309 4688
- Fax: (84-24) 7309 4686
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và mã số thuế: 0102182140
- Website: www.fitgroup.com.vn

2.4. Các danh hiệu và giải thưởng

- Top 500 Doanh Nghiệp Tư Nhân lớn nhất Việt Nam 2016: do Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report khảo sát và công bố theo chuẩn mực quốc tế.
- Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế năm 2016.
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2015: giải thưởng dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế, do Trung ương Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam phổ hợp với Trung ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức
- Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững 2014: do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng tại TP HCM
- Lãnh đạo xuất sắc châu Á Thái Bình Dương 2014 dành cho TGD FIT Group Nguyễn Thị Minh Nguyệt: do Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Ấn phẩm đối ngoại Asia – Pacific Economic Review, ...trao tặng.

2.5. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản 2019 -2020

	<i>ĐVT: triệu VND</i>	
	2019	2020
KẾT QUẢ KINH DOANH		
Doanh thu thuần	1,181,475	1,188,427
Lãi gộp	255,566	266,256
EBITDA	245,207	196,813
Lợi nhuận trước thuế	120,021	107,974
Lợi nhuận sau thuế	92,076	83,351
Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ	70,228	56,453
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2019	2020
Tổng tài sản	5,284,711	5,283,977
<i>Tài sản ngắn hạn</i>	2,766,191	3,329,699
<i>Tài sản dài hạn</i>	2,518,520	1,954,278
Tổng nợ	1,238,040	1,237,397
<i>Nợ ngắn hạn</i>	716,670	735,410
<i>Nợ dài hạn</i>	521,370	501,987
Tổng vốn chủ sở hữu	4,046,670	4,046,580
Vốn chủ sở hữu của Tập Đoàn	2,997,030	3,040,822
Vốn điều lệ	2,547,302	2,547,302
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	2019	2020
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	128,703	72,505
<i>Trong đó</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	73,419	109,772
Thay đổi vốn lưu động	55,284	(37,268)
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(125,633)	(1,576)
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	(19,981)	(35,134)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(16,912)	35,795

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	40,802	23,888
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	23,888	59,677
EPS pha loãng (VND)	276	222
Giá trị sổ sách/ cổ phiếu (VND)	15.886	15.886
Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu	0	0

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid -19, nhưng lại là năm đánh dấu những kết quả kinh doanh khởi sắc sau một quá trình tái cấu trúc các doanh nghiệp thành viên và đem về những kết quả được thể hiện trên nhiều phương diện.

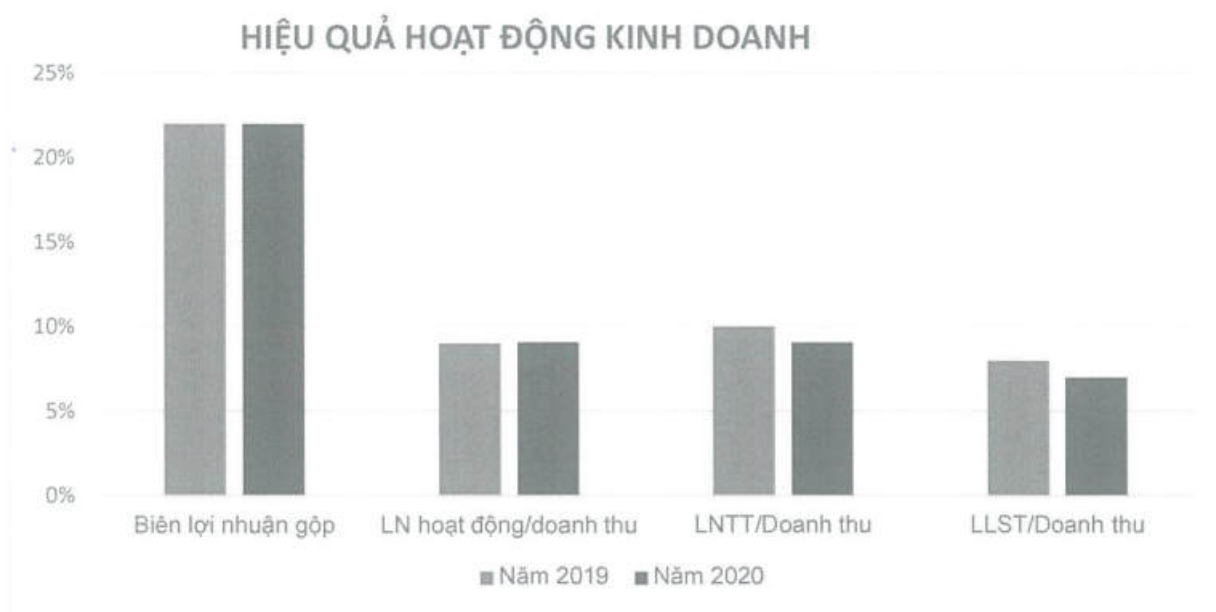
Mặc dù kết quả doanh thu không đạt được như kì vọng, song đây là yếu tố được dự báo trước khi tập đoàn F.I.T quyết liệt hơn trong việc tái cấu trúc, cắt bỏ những lĩnh vực, sản phẩm không đem lại hiệu quả, không chạy theo chỉ tiêu doanh thu. Nhờ thu hẹp các mặt hàng không hiệu quả, có chi phí cao, chi phí bán hàng của FIT Group đã giảm đáng kể. Bên cạnh đó toàn bộ tập đoàn thắt chặt hơn trong việc kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp.

Cùng với đó, chỉ số lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn vẫn ở mức cao, 108 tỷ đồng. Điều này khẳng định việc tái cấu trúc của Tập đoàn đã đi đúng hướng. Hiện FIT Group đang sở hữu những doanh nghiệp trong các ngành hàng cơ bản có tiền bang tăng trưởng cao như Dược phẩm, FMCG, thực phẩm, nông nghiệp, bất động sản.

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của FIT Group vẫn được duy trì ở mức rất khỏe mạnh với tổng tài sản tăng nhẹ, nợ ngắn và dài hạn ở mức thấp trên tổng tài sản nếu so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành. Tổng nợ của FIT Group đạt 1237 tỷ, đang có xu hướng giảm và thấp hơn nhiều so với các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn dưới dạng trái phiếu hay tiền gửi có kì hạn có giá trị 2,314.7 tỷ. Nếu so sánh với tổng tài sản thì chỉ số nợ/tổng tài sản của FIT Group chỉ ở mức 23,4%, thấp hơn nhiều so với mức trung bình ngành. Điều này giúp FIT Group luôn sẵn sàng trong các thương vụ M&A, mở rộng đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh khi xuất hiện cơ hội. Bên cạnh đó, cơ cấu tài chính lành mạnh với nợ vay thấp cũng giúp FIT Group luôn đứng vững trước các biến động của thị trường tài chính. Không chỉ có cơ cấu nguồn vốn, các loại tài sản của FIT Group cũng thường xuyên được đánh giá và xử lý, những loại hàng hóa có tính luân chuyển chậm không hiệu quả cũng được quyết liệt xử lý giúp hàng tồn kho giảm so với năm 2019.

Nhờ có những biện pháp xử lý kiên quyết, mạnh mẽ và nhanh nhạy nên các chỉ tiêu quan trọng gồm kết quả kinh doanh và dòng tiền vẫn giữ ở mức ổn định.

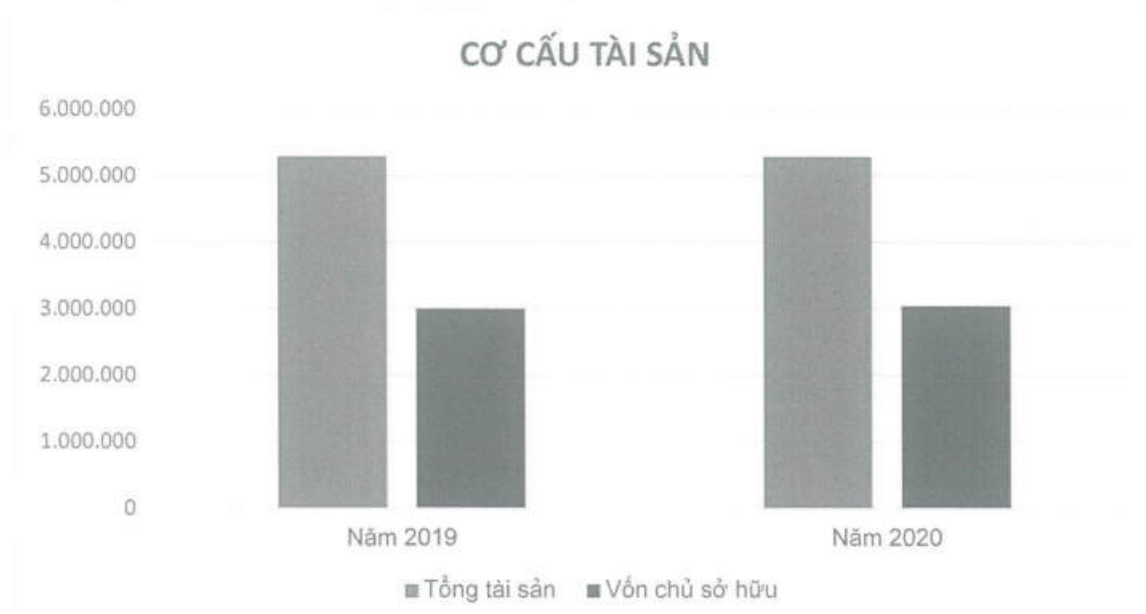
Đồ thị – Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh chính



Trên đồ thị, tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận so với doanh thu hay lợi nhuận gộp đều duy trì ở mức cao so với năm 2019, mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid – 19 gây ra. Điều này cho thấy những hành động của HĐQT đã đem lại những kết quả vô cùng tích cực và được minh chứng rõ nét bằng con số chứ không chỉ dừng lại ở lời nói. Đây là những hành động đem lại lợi ích đáng kể cho cổ đông và thể hiện hướng đi đúng đắn.

Niềm tin vào giá trị cổ đông trong tương lai càng được củng cố hơn khi nhìn vào vị thế tài chính của Tập Đoàn.

Các chỉ tiêu vị thế tài chính



Đồ thị trên cho thấy, năm 2020 các tiêu chí về tổng tài sản và tổng vốn sở hữu đều đã giữ ổn định, tăng nhẹ so với năm 2019. Điều này dẫn đến, giá cổ phiếu so với cùng thời điểm cuối năm 2018 đã tăng trưởng gần 50%. Đây chính là động lực để để HĐQT và toàn thể cán bộ nhân viên của Tập Đoàn nỗ lực hơn nữa, tiếp tục đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu. Điểm mấu chốt trong việc tái cơ cấu đó chính là giữ vững và gia tăng tài sản của tập đoàn mà không làm gia tăng các khoản nợ. Đi đôi với đó là các chỉ tiêu tài chính đều được cải thiện. Từ đó chúng ta có thể thấy rằng cơ hội để FIT

Group tiếp tục bứt phá trong tương lai là rất lớn, nhất là khi thị trường có những yếu tố thuận lợi để mở rộng sản xuất kinh doanh.

II. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Môi trường kinh tế vĩ mô

	%GDP 2020	Đóng góp vào tăng trưởng
Nông lâm nghiệp và thủy sản	14.85%	2,68%
Công nghiệp và xây dựng	33,72%	3.36%
Dịch vụ	41.63%	2.34%
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	9.8%	
GDP	100%	2.91%

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 2,91% so với năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Tăng trưởng kinh tế năm 2020 lĩnh vực Công Nghiệp, Xây dựng vẫn có mức tăng trưởng trên 3% cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân GDP. Trong nhóm này, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tốc độ tăng trưởng cao nhất đạt 5,82%. Đây cũng là lĩnh vực mà Tập đoàn đang tập trung mạnh nhất, tiêu biểu là hoạt động sản xuất của công ty cổ phần Dược Phẩm Cửu Long, DCL. Ngoài ra lĩnh vực bán lẻ cũng là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao với tốc độ 6,8%, đây cũng là lĩnh vực mà FIT Group có các công ty thành viên đang kinh doanh ngành hàng FMCG như Vikoda hay FIT Cosmetic với các sản phẩm nước rửa tay Dr. Clean, nước rửa chén, giặt Tero, nước lau sàn Oclean, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng nhanh chóng của người dân Việt Nam. Lĩnh vực cuối cùng là lĩnh vực chế biến nông sản với công ty thành viên Westfood.

Nhóm ngành dịch vụ cũng luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng đạt bình quân tốc độ tăng trưởng kinh tế và có xu hướng cải thiện trong những quý gần đây với tốc độ tăng trưởng đạt 7.3%.

2. Mô hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

2.1. Cấu trúc hiện tại của Tập đoàn

Các lĩnh vực kinh doanh Tập Đoàn đang hoạt động bao gồm:

- Dược phẩm
- Thực phẩm
- Hàng tiêu dùng nhanh: trong đó có Nước giải khát, Sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân
- Nông nghiệp: F.I.T đã thoái vốn khỏi mảng thuốc bảo vệ thực vật, hiện tại hoạt động chính của ngành nông nghiệp là hoạt động thương mại.
- Quản lý và kinh doanh bất động sản: F.I.T bắt đầu tham gia vào mảng hoạt động này vào cuối năm 2016.



2.2. Dữ liệu tài chính của các mảng hoạt động thuộc Tập đoàn

Năm 2020 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBNV Tập đoàn đã cùng nhau đoàn kết, gắn bó, chia sẻ để vượt qua khó khăn và gặt hái được những kết quả đáng tự hào, góp phần tạo nên sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Cụ thể, doanh thu năm 2020 của Tập đoàn ước đạt trên 1,210 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt 108 tỷ đồng.

Tại các mảng hoạt động chính, kết quả kinh doanh phản ánh và bám sát chiến lược chung của cả Tập đoàn.

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm	Năm
	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,86	4,53
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,49	4,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	23%	23%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	31%	31%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,48	3,38
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,22	0,22
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,8%	7,0%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,3%	2,1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,7%	1,6%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,3%	8,5%

3. Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và đánh giá tình hình hoạt động trong mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

3.1. Màng dược phẩm - Công ty Cổ phần Dược Cửu Long (DCL)

Công ty hiện hoạt động trong 3 mảng: Dược phẩm, Viên nang mềm và Thiết bị y tế.

Với rất nhiều nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, năm 2020 là một năm in dấu rất nhiều sự kiện cột mốc đáng nhớ.

3.1.1. Hoạt động trong năm 2020

Điểm đáng chú ý trong năm 2020 của DCL là giải thể những công ty con hoạt động không hiệu quả. Cụ thể, DCL vừa hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mekong. Công ty có trụ sở chính tại TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mekong, được thành lập vào năm 2010, trước khi DCL trở thành thành viên của Tập đoàn tài chính F.I.T.

Tháng 8/2020, DCL thay đổi logo nhằm phù hợp với các chiến lược trong thời gian sắp tới. Trong đó nổi bật với phần logotype “For Health – For Life” – khẳng định DCL sẽ tiếp tục kết nối và phát triển không ngừng để mang lại những giá trị đóng góp cho sức khỏe cộng đồng.

Dự án mở rộng giai đoạn 4 của nhà máy sản xuất Capsule với tổng công suất lên đến 7,9 tỷ nang/năm với tổng vốn đầu tư dự kiến 130 tỷ đồng. Đây là nhà máy có tính năng và công suất vượt trội với thiết bị phân loại nang tự động nhằm nâng cao tỷ lệ tự động hoá khâu phân loại khuyết tật nang lên đến 85%.

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh, trong năm 2020 và những năm tiếp theo DCL sẽ tiếp tục tập trung mở rộng và phát triển hệ thống bán hàng, đào tạo nâng cao nhân sự, tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược, có doanh số lớn và lợi nhuận cao hoặc những dòng sản phẩm khác biệt, ít đối thủ cạnh tranh.

3.1.2. Tình hình sản xuất kinh doanh

Điểm nổi bật trong kết quả sản xuất kinh doanh của DCL trong năm 2020 là đã đạt lợi nhuận kỷ lục quý IV/2020 khoảng 40 tỷ đồng. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế trong tháng 10 và tháng 11 năm 2020 của DCL lần lượt là 10 và 14 tỷ đồng, trong tháng 12/2020 dự kiến đạt 15 tỷ đồng.

Để có được kết quả kinh doanh tăng kỷ lục này, bên cạnh việc đầu tư máy móc, thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm thì việc tái cấu trúc lại hệ thống bán hàng cũng đóng vai trò không nhỏ. Đầu quý IV/2020, DCL đã thay đổi mô hình bán hàng theo hướng các chi nhánh sẽ được trao quyền nhiều hơn, tăng độ phủ, tăng tính trách nhiệm và chủ động hơn trong công việc. Các sản phẩm sẽ được lưu thông thông suốt, nhanh chóng, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường. Đồng thời kết hợp đồng bộ với Dự án Innovation trên toàn công ty, đội ngũ bán hàng cũng như các chi nhánh đang tiến hành sàng lọc để lựa chọn những nhân tố tích cực nhất. Qua đó, nâng cao được tính cạnh tranh của DCL.

Năm 2020, DCL đã xin được visa cho 2 loại thuốc chống ung thư, đây là các loại thuốc điều trị trong ung thư có nhu cầu cao tại Việt Nam, hứa hẹn sẽ mang lại doanh số hàng triệu đô cho năm 2020, góp phần tích cực vào tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận

so với năm 2019.

Dược phẩm (DCL)	2019	2020
<i>Đơn vị tính: tỷ VND</i>		
Doanh thu thuần	752,014	671,246
Lãi gộp	187,194	187,637
Lợi nhuận trước thuế	104,733	85,944
Lợi nhuận sau thuế	87,004	68,928
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	88,474	66,391

Ở mảng sản xuất thiết bị y tế, Dược Cửu Long đang làm việc với một đối tác có khả năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn. Bên cạnh đó Dược Cửu Long cũng lên kế hoạch tiếp tục mở rộng mảng kinh doanh này do nhu cầu của thị trường ngày càng gia tăng nhanh chóng.

3.1.3. Định hướng phát triển cho năm 2021 và cho các năm tiếp theo

Theo thống kê của Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế), ngành dược sẽ đạt 7,7 tỷ USD vào 2021. Còn theo kết quả của Vietnam Report, dược phẩm là ngành có tiềm năng tăng trưởng cao nhất trong 2 năm tới vì vừa qua mọi người đều nhận thức được mức độ nguy hiểm của dịch bệnh, người dân đang dần chú trọng hơn đến việc bảo vệ sức khỏe, dẫn đến ngành dược phẩm y tế được các doanh nghiệp đánh giá có triển vọng tăng trưởng cao trong tương lai.

Còn về yếu tố nội tại, trong năm 2021 DCL hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy Capsule 4 với sản lượng 2,4 tỷ viên nang/năm, nâng tổng khối lượng sản xuất lên gần 8 tỷ viên/năm. Năm 2020, DCL cũng đã xin được visa cho 2 loại thuốc điều trị ung thư, đây là các loại có nhu cầu cao tại Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Điều này hứa hẹn sẽ mang lại doanh số hàng triệu đô cho năm 2021 và những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện mô hình bán hàng để tăng độ phủ của các sản phẩm Dược Cửu Long đến tất cả các địa phương trong cả nước và hướng đến xuất khẩu một số mặt hàng.

Chính vì vậy, năm 2021, DCL đặt mục tiêu doanh thu 805 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 301,5 tỷ đồng.

3.2. Mảng thực phẩm - Công ty CP Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (Westfood)

Hiện tại nhà máy đang có 2 dây chuyền tương ứng với 2 nhóm sản phẩm:

- Rau và hoa quả đóng hộp: dây chuyền có thể đáp ứng được nhiều kích cỡ các loại hộp. công suất 2 container 20'FLC/ngày
- Rau và hoa quả cấp đông (IQF): 5 máy IQF với tổng công suất của dây chuyền cấp đông 4.2 tấn/giờ.

Các chứng chỉ về hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng của Westfood đã đạt được bao gồm: FDA. KOSHER. HACCP. BRC. IFS. HALAL.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Thực phẩm (WESTFOOD)	2019	2020
-----------------------------	-------------	-------------

Đơn vị tính: tỷ VND

Doanh thu thuần	252,965	292,330
Lãi gộp	48,142	60,170
Lợi nhuận trước thuế	8,815	23,340
Lợi nhuận sau thuế	7,425	19,574

Năm 2020 sản phẩm Westfood đã có mặt và được yêu thích ở nhiều quốc gia, châu lục trên thế giới như: Mỹ, Canada, Pháp, Hà lan, Ai Len, Nhật bản, Hàn Quốc, Úc... Đối tượng khách hàng của Westfood phần lớn là những tập đoàn, nhà máy sản xuất và chế biến thực phẩm công nghiệp có quy mô lớn như: Dole, Aeon, Atlanta, Port Royal... Trước tình hình khó khăn của dịch bệnh Covid – 19, Westfood cũng chủ động phát triển thị trường trong nước như: hạt sen đóng hộp... đồng thời tăng thu mua và chọn thời điểm phù hợp để mua các nguyên liệu, chủ yếu là hoa quả, phục vụ chế biến để đạt được chỉ tiêu SXKD đã đề ra từ đầu năm. Đặc biệt Westfood đang tích cực mở rộng vùng nguyên liệu của mình để chủ động về nguồn nguyên liệu hoa quả đầu vào về sản lượng cũng như chất lượng.

Năm 2021, Westfood tiếp tục phát triển các ngành hàng chủ lực dưới dạng OEM: IQF, đóng lon, Cup nhựa sản phẩm hoa quả chế biến khác. Bên cạnh đó, nắm chắc và mở rộng thị phần tại các thị trường cao cấp, có thu nhập cao như Nhật, Hàn, Châu Âu, Mỹ; Úc; các nước Châu Á phát triển; đặc biệt thị trường châu Âu. Không những thế, Westfood còn tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm để phát triển thị trường trong nước. Chính vì vậy, mục tiêu doanh thu năm 2021 là trên 346 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt gần 80 tỷ đồng.

3.3. Kinh doanh sản xuất ngành hàng tiêu dùng nhanh – Công ty Cổ phần F.I.T Consumer

F.I.T Consumer (FC) được thành lập từ 06 tháng 11 năm 2015 để quản lý các ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) của Tập Đoàn F.I.T. Do lĩnh vực bán lẻ là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao và Việt Nam là nước đông dân số với nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm mới gia tăng nhanh chóng, FIT Group xác định sẽ phát triển trong lĩnh vực này, trở thành một trong những tập đoàn chiếm thị phần lớn ở phân khúc sản phẩm mà FIT Group tham gia sản xuất. Bên cạnh đó FC còn đóng vai trò như nhà phân phối sản phẩm tại thị trường Việt Nam cho các Công ty sản xuất. Các Công ty hoạt động được hợp nhất vào FC theo phương pháp hợp nhất theo vốn chủ sở hữu.

Với khoản đầu tư 49% vào Vikoda và F.I.T Cosmetics FC tập trung vào việc tái cấu trúc các Công ty thông qua cải tạo hệ thống phân phối để mở rộng độ phủ và chuyển sang mô hình bán hàng chủ động, chuyển đổi sang việc nhận diện thương hiệu mới để tăng nhận thức của người tiêu dùng về thương hiệu của Công ty, mở rộng các dòng sản phẩm và tung ra các sản phẩm mới cũng như tổ chức lại bộ phận marketing với việc chú trọng vào việc tuyển dụng các nhân sự nhiều kinh nghiệm.

Một số sản phẩm tiêu biểu của F.I.T Consumer trong năm 2020 có thể kể đến:

- Nước giặt đa năng Tero với độ lưu hương tới 7 ngày
- Nước rửa tay Dr. Clean không dùng nước, dung dịch rửa tay sát khuẩn Dr.Cleanex.PRO
- Nước khoáng thiên nhiên dạng lon nhôm Vikoda Alkaline
- Vikoda Soda – Nước khoáng thiên nhiên Soda dạng lon nhôm đầu tiên của người Việt
- Nước tăng lực khoáng Sumo – Nước tăng lực duy nhất sản xuất trên nền khoáng thiên nhiên
- Nước rửa chén Tero dung tích 3,2kg siêu tiết kiệm

Trong mảng hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), một ngành hàng có mức tăng trưởng từ 5 – 6%/năm của Việt Nam, hiện FIT Group đang sở hữu 2 công ty là Công ty cổ phần F.I.T Cosmetics – FCO

và Công ty Cổ phần Today Cosmetics với các sản phẩm chăm sóc cá nhân và vệ sinh nhà cửa. Các dòng sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng của FIT Cosmetic đang đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Vì hiện nay, có gần 70% người tiêu dùng Việt Nam sẵn sàng chi trả cao hơn cho các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn. Xu hướng này dự kiến sẽ còn phát triển mạnh hơn nữa, vì người tiêu dùng ngày càng tìm kiếm sự đảm bảo nhiều hơn sau đại dịch Covid – 19. Bên cạnh đó, với dây chuyền sản xuất hiện đại Today Cosmetics còn là đơn vị gia công cho những các nhãn hiệu nổi tiếng. Trong năm 2020, sản phẩm nước giặt và nước rửa chén Tero cũng như sản phẩm nước rửa tay sát khuẩn duy trì doanh số ở mức cao và được người tiêu dùng ưa chuộng.

3.4. Lĩnh vực đồ uống – Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) tiền thân là xí nghiệp nước khoáng Đảnh Thạnh được thành lập vào 19/1/1990. Là một doanh nghiệp có bề dày lịch sử và sở hữu mỏ khoáng có chất lượng cao nổi tiếng lâu đời trên khắp Việt Nam. Kể từ năm 2015 Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa chính thức trở thành công ty con của FIT Group. Với mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh có nguồn nước với chất lượng cao, đặc biệt là độ PH 8.5 có tác dụng rất tốt cho những người mắc bệnh dạ dày. Đây là nguồn nước tự nhiên duy nhất tại Việt Nam có độ PH tự nhiên cao và tốt cho sức khỏe. Kể từ năm 2018 Vikoda đã tiến hành hàng loạt những cải tổ và tái cấu trúc các sản phẩm. Kết quả đem lại là rất đáng khích lệ và trở thành một hình mẫu trong tập đoàn để các đơn vị thành viên khác noi theo.

Đồ uống (CTCP nước khoáng Khánh Hòa)	2019	2020
Đơn vị tính: tỷ đồng		
Doanh thu thuần	289,993	247,884
Lãi gộp	123,071	103,971
Lợi nhuận trước thuế	20,264	3,397
Lợi nhuận sau thuế	16,212	2,610

Năm 2021 với khẩu hiệu hành động “FAST to WIN” Vikoda hội tụ đủ các yếu tố quan trọng là: Năng lực tài chính, đẳng cấp uy tín thương hiệu và toàn thể nhân viên tập trung vào mục tiêu, hành động quyết liệt, nhanh chóng, phối hợp chặt chẽ làm việc với đồng đội cùng hướng đến mục tiêu chung doanh đạt trên 410 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt trên 177 tỷ đồng tăng gần 50% so với năm 2020.

3.5. Lĩnh vực nông nghiệp – Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Nông nghiệp (CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ)	2019	2020
Đơn vị tính: tỷ đồng		
Doanh thu thuần	416,769	460,146

Lãi gộp	61,339	73,024
Lợi nhuận trước thuế	6,530	21,205
Lợi nhuận sau thuế	749	16,788
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	1,385	16,891

Mảng kinh doanh góp phần lớn vào sự sụt giảm doanh thu của Tập Đoàn là mảng Nông nghiệp. Do xác định mảng nông nghiệp không còn làm mảng kinh doanh chính nên các hoạt động và doanh thu của TSC mẹ không còn chiếm tỷ trọng lớn, hiệu quả kinh doanh cũng chưa thực sự tích cực mặc dù kết quả lợi nhuận trước thuế đã có cải thiện rõ rệt so với năm 2019.

3.6. Lĩnh vực bất động sản – Công ty CP Mũi Dinh Ecopark

Năm 2021, khởi công giai đoạn 1 dự án Khu du lịch trải nghiệm Mũi Dinh Padaran là khu Bãi Trảng bao gồm biệt thự biển và biệt thự trên núi nhìn biển; khách sạn 5 sao 500 phòng với tổng mức đầu tư 60 triệu USD. Các sản phẩm này sẽ bao gồm cả mục đích bán, cho thuê vận hành. Riêng với giai đoạn 1, dù tổng mức đầu tư không lớn, nhưng dự kiến có thể mang lại mức lợi nhuận 2.500 tỷ đồng.

Tổng dự án Mũi Dinh Padaran có tổng mức đầu tư 1,2 tỷ USD, trên quy mô gần 800 ha ở Ninh Thuận. Điểm đặc biệt của Dự án Khu du lịch trải nghiệm Mũi Dinh Padaran đó là có vùng nước trời (trời lạnh) hiếm hoi trên thế giới. Chính vì thế, ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận tồn tại các điều kiện sinh thái môi trường cực kỳ thuận lợi cho sự phát triển đời sống sinh vật biển, khiến hải sản ở đây ngon đặc biệt so với vùng biển khác. Đó sẽ là một điểm cộng giúp sự trải nghiệm của du khách trở nên thú vị, hấp dẫn hơn.

3.7. Hoạt động của Công ty mẹ:

F.I.T cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực tư vấn, hợp tác đầu tư và đầu tư.

▪ Dịch vụ tư vấn

Với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm và được đào tạo chuyên nghiệp bài bản, chúng tôi đã cung cấp cho khách hàng của mình những tư vấn hợp lý và giá trị trong các lĩnh vực huy động và thu xếp vốn cho các dự án, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, đây là mảng đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu đều ra từ đầu năm. Tư vấn các dự án M&A, tư vấn phát triển thương hiệu doanh nghiệp.

▪ Hoạt động hợp tác đầu tư

Nhằm gia tăng được lợi ích cho cả đối tác và F.I.T, chúng tôi đã nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm hợp tác đầu tư như Repo cổ phiếu hoặc trái phiếu, Repo bất động sản.

▪ Đầu tư

Chúng tôi tiếp tục thực hiện giải ngân vào các sản phẩm đầu tư tài chính, các dự án bất động sản cũng như công ty con và công ty liên kết. Bắt đầu từ 2014, F.I.T tiến hành mua các công ty và nhà máy nhờ vậy có sự dịch chuyển cơ cấu từ công ty đầu tư thuần túy sang một công ty có sản xuất hoạt động kinh doanh. Các hoạt động của F.I.T mẹ chủ yếu nhằm hỗ trợ hoạt động cho các công ty thành viên. Cơ cấu tổ chức bộ máy cũng được tinh giản và chuyên nghiệp hóa với đội ngũ có kinh nghiệm lâu năm.

Công ty mẹ và các mảng hoạt động khác	2019	2020
---------------------------------------	------	------

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Doanh Thu	22,169	65,619
Lợi nhuận gộp	11,261	9,190
Lợi nhuận trước thuế	24,822	13,008
Lợi nhuận sau thuế	20,919	11,548

Năm 2018 đến năm 2020 là giai đoạn tái cấu trúc toàn Tập đoàn. Năm 2021 được đánh giá là năm sẽ gặt hái thành quả từ quá trình tái cấu trúc. Bên cạnh đó, trong năm 2021, việc xây dựng nhà máy vật tư y tế Benovas tháng 4/2021 và đưa vào thương mại thuốc trị ung thư tháng 6/2021, cùng với việc khởi công dự án bất động sản nghỉ dưỡng Mui Dinh Paradan vào tháng 6/2021 sẽ đánh dấu những mốc nổi bật trên con đường phát triển của Tập đoàn. Cho nên doanh thu kế hoạch năm 2021 của Toàn Tập đoàn là 1.331,3 tỷ, lợi nhuận trước thuế kế hoạch đạt 217 tỷ đồng.

3.8. Định hướng phát triển

F.I.T đã bước đầu chuyển mình từ một công ty đầu tư và tư vấn tài chính thuần túy sang một Tập Đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh. FIT Group hướng tới mục tiêu trở thành công ty tỷ đô trong tương lai.

Để phát triển bền vững thì FIT Group luôn xây dựng một hệ thống quản trị chặt chẽ không chỉ từ Công ty mẹ mà xuyên suốt cho đến Công ty con để có được sự nhất quán tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Mục tiêu chính của Tập Đoàn là hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành hàng có quy mô lớn tạo ra các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu của tầng lớp trung lưu tại Việt Nam như Dược phẩm, Thực phẩm và Ngành hàng tiêu dùng nhanh. Đây đều là những ngành hàng thiết yếu và có xu hướng tăng trưởng trong tương lai. Những mặt hàng FIT Group chọn lựa là nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu tăng nhanh của tầng lớp trung lưu đang gia tăng nhanh chóng tại Việt Nam. FIT Group nghiên cứu đầu tư vào các Công ty tiềm năng thuộc các ngành hàng phát triển như nói ở trên và sẽ hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiều về công tác quản trị điều hành, đầu tư vào sản phẩm khác biệt, thương hiệu mạnh, mở rộng hệ thống bán hàng, kênh phân phối để gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và dần từng bước đưa các Công ty này dẫn đầu trong các ngành hàng tham gia.

Bên cạnh đó Bất động sản cũng là một lĩnh vực FIT Group quan tâm để đầu tư vì đây là lĩnh vực có quy mô, tiềm năng tăng trưởng cao và đem lại mức lợi nhuận lớn. Tuy nhiên FIT Group sẽ đầu tư một cách thận trọng kết hợp với việc nghiên cứu kỹ lưỡng và quản trị chặt chẽ để đem lại hiệu quả cao nhất cho nguồn vốn đầu tư.

Ngoài ra, FIT Group vẫn tiếp tục duy trì một danh mục đầu tư ngắn hạn để nắm bắt các cơ hội trên thị trường và tạo ra mức sinh lời cao.

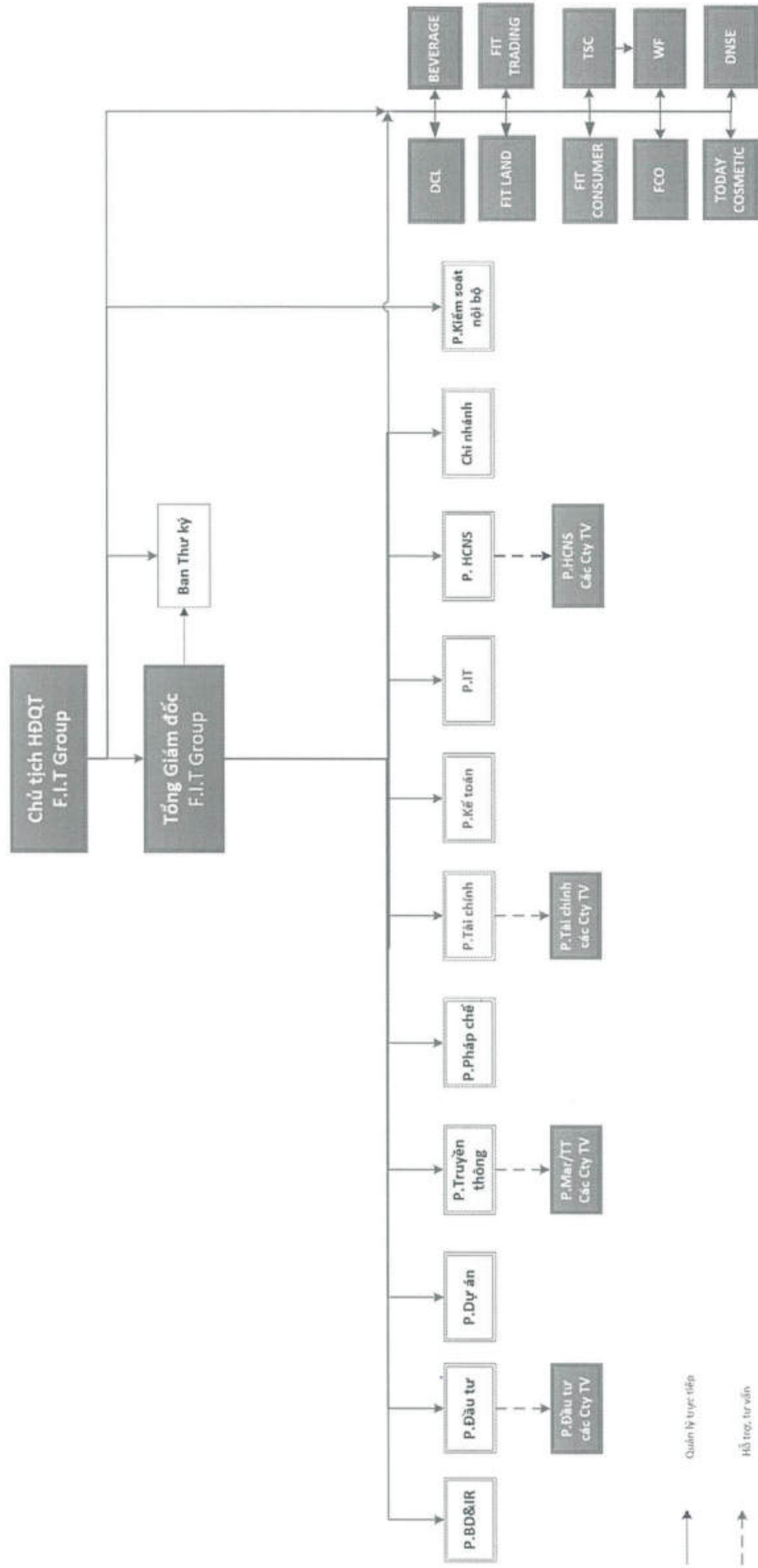
Trong thời gian tới, Tập Đoàn F.I.T sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như đầu tư các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.

III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Sơ đồ tổ chức hoạt động của Tập đoàn



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN F.IT NĂM 2020



2. Tổ chức nhân sự

2.1. Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Sang sinh năm 1975, là Chủ tịch Tập Đoàn và cũng là cổ đông sáng lập của F.I.T. ông có gần 10 năm làm việc trong ngành thương mại tại các Tập Đoàn Đa quốc gia lớn như Procter&Gamble Việt Nam (P&G Việt Nam), Shell Gas Haiphong Ltd và 13 năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính.

Cùng sự giúp sức của các Thành viên Ban quản trị khác, với nền tảng kinh nghiệm sâu rộng trong kinh doanh, thương mại, quản trị và tài chính, ông Sang đã đóng vai trò như linh hồn của cả Tập Đoàn, xây dựng chiến lược giúp F.I.T trở thành một Tập Đoàn đa ngành nghề đứng đầu Việt Nam.

Ông Sang tốt nghiệp Đại học và lấy bằng Thạc sỹ Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt sinh năm 1970, là thành viên sáng lập, đồng thời đảm nhiệm cương vị Tổng giám đốc của F.I.T. Trên cương vị này, bà đã vận hành và quản lý hoạt động của toàn Tập Đoàn thông suốt, theo sát định hướng và chiến lược do HĐQT đề ra.

Với kiến thức của một chuyên gia trong ngành Tài chính, Kế toán và Quản trị Hành chính Nhân sự, bà Nguyệt đã đóng góp rất to lớn cho hoạt động và sự phát triển của Tập Đoàn từ những ngày đầu tiên.

Trước khi tham gia F.I.T. Bà Nguyệt đã có 17 năm làm việc trong ngành tài chính, Quản trị, Nhân sự tại Mekong Automobile Corporation và Shell Gas Haiphong Ltd.

Bà Nguyệt tốt nghiệp trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội lấy bằng MBA cũng tại đây.

Ông Phan Minh Sáng - Thành viên HĐQT

Ông Phan Minh Sáng sinh năm 1975, có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính, kinh doanh và quản trị tại các công ty trong và ngoài nước như Công ty Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy GMN, Công ty Nước giải khát Delta, Công ty Xổ số điện toán Việt Nam, Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Geleximco). Tham gia vào F.I.T từ năm 2014 với cương vị Thành viên HĐQT, ông Sáng đã đóng góp. tham gia vào các quyết sách định hướng chiến lược phát triển của F.I.T.

Ông Sáng tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính và lấy bằng Thạc sỹ tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Ông Kiều Hữu Dũng - Thành viên HĐQT

Ông Dũng có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán, du lịch, bất động sản như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), công ty Chứng khoán ACB, Công ty TNHH Phát triển Thể thao và Giải trí Mỹ Trí, Công ty CP Đầu tư Đại Hùng Tinh, Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền, Công ty CPĐT Bắc Thủ Đô, Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty CP Đầu tư INB, Sacombank, Công ty CP Phát triển bất động sản DPV, Công ty TNHH Đầu tư, Công ty TNHH KD, Công ty CP Đầu tư KD, Công ty CP Khu du lịch Champarama,...

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế phát triển, Cử nhân quan hệ quốc tế, Cao cấp lý luận chính trị.

Ông Cao Trọng Hoan - Thành viên HĐQT

Ông Hoan có nhiều năm kinh nghiệm giữ các chức vụ quản lý cấp cao trong lĩnh vực nông nghiệp, bất động sản và xuất nhập khẩu tại Công ty Cổ phần giống cây trồng Nông Tín, Công ty Cổ phần Đức Cao, Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp Nam Sài Gòn.

Với vốn kiến thức và kinh nghiệm dày dặn được đúc kết trong nhiều năm công tác, ông Cao Trọng Hoan hứa hẹn sẽ có nhiều đóng góp cho Tập đoàn.

Ông Bùi Tuấn - Thành viên HĐQT

Ông Bùi Tuấn là thành viên HĐQT độc lập. Ông Tuấn có hơn 20 năm công tác tại Đại học Quốc gia Hà Nội và giữ chức vụ quản lý tại trong lĩnh vực Thông tin và Quản trị Thương hiệu, văn phòng Đại học Quốc gia Hà Nội.

Với vốn kiến thức và kinh nghiệm dày dặn được đúc kết trong nhiều năm công tác, chắc chắn ông Bùi Tuấn sẽ có nhiều đóng góp vào sự phát triển của Tập đoàn.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngữ Văn

Ông Đỗ Văn Khá - Thành viên HĐQT

Ông Khá là thành viên HĐQT độc lập. Ông Khá có nhiều năm kinh nghiệm giữ các chức vụ quản lý tại Công ty CP chứng khoán Dầu khí, Ngân hàng Cổ phần VPBank, Chứng khoán Đại Nam.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

Bà Phan Thị Hòa – Kế toán trưởng

Bà Hòa là một chuyên gia về kế toán. Trước khi tham gia FIT, bà từng đảm nhiệm vị trí kế toán tại nhiều Công ty như Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tinh Vân, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Việt Phương, Công ty Cổ phần Bốn Mùa Toàn Cầu, Công ty Cổ phần Kowil Việt Nam. Hiện tại bà Hòa đang phụ trách hoạt động kế toán của toàn hệ thống F.I.T chính xác, chuyên nghiệp và hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng cho sự phát triển không ngừng lớn mạnh của F.I.T

Bà Phan Thị Hòa tốt nghiệp Đại học Kinh Tế Quốc Dân và có bằng Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh trường Đại Học Kinh tế - Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

2.2. Thành phần Ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Ninh Việt Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	0 cổ phần
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	0 cổ phần
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	0 cổ phần

2.3. Cơ cấu Tiểu ban đầu tư

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên Tiểu Ban Đầu tư	100.000 cổ phần
4	Ông Phan Minh Sáng	Thành viên Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần

Các chức vụ kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT và Ban Điều Hành F.I.T trong HĐQT của Tổ chức khác.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	Chủ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DŨNG TÂM - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG - CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA - CÔNG TY CỔ PHẦN MŨI DINH ECOPARK - CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC UNG THƯ BENOVAS - CÔNG TY CỔ PHẦN FIT CONSUMER - CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC - CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BENOVAS - CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000	Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ; - CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

				Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỪNG TÂM - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG - CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA - CÔNG TY CỔ PHẦN MŨI DINH ECOPARK - CÔNG TY CỔ PHẦN FIT COSMETICS - CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC UNG THƯ BENOVAS - CÔNG TY CỔ PHẦN FIT CONSUMER - CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC - CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN - CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾT BENOVAS
3	Ông Phan Minh Sáng	TV HĐQT	0	Phó CT HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ -
				Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T - CÔNG TY CỔ PHẦN FIT COSMETICS - CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY - CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC - CÔNG TY CỔ PHẦN TODAY COSMETICS - CÔNG TY CỔ PHẦN WESTFOOD HẬU GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN
4	Ông Kiều Hữu Dũng	TV HĐQT			<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KD - CÔNG TY CỔ PHẦN MŨI DINH ECOPARK - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẮC THỦ ĐÔ - CÔNG TY CỔ PHẦN FCE VIỆT NAM
5	Ông Bùi Tuấn	TV HĐQT	0		
6	Ông Đỗ Văn Khá	TV HĐQT	0		

7	Ông Cao Trọng Hoan	TV HĐQT	0	Chủ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TH NAM SÀI GÒN - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CN CAO VIỆT MỸ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG VÀ KD NHÀ SÀI GÒN - CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNH VIÊN
---	--------------------	---------	---	----------	---

3. Chính sách đối với người lao động

Văn phòng FIT Group tự hào sở hữu nhiều hạng cơ sở hạ tầng hiện đại như: hệ thống các phòng họp trực tuyến với hệ thống âm thanh cao cấp, bếp ăn có sức chứa gần 100 người, phòng tập gym, máy móc thiết bị hiện đại khác, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, FIT Group luôn quan tâm đến sức khỏe của CBNV và đã thực hiện mua gói Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Điều đó tạo nên một trong những lợi thế cạnh tranh của F.I.T trên thị trường.

Năm 2020, Tập đoàn F.I.T duy trì và củng cố hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho CBNV thông qua các khóa đào tạo: kỹ năng thuyết trình, Mindfulness based transformation... Với mong muốn xây dựng FIT Group trở thành một môi trường học tập, F.I.T chú trọng triển khai các hoạt động FIT Club định kỳ trong năm và luôn thu hút sự tham gia đông đủ của CBNV.

Năm 2020, phòng nhân sự đã kết hợp cùng các phòng ban xây dựng lộ trình thăng tiến IDP cho từng CBNV, đồng thời lên kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, từ đó mỗi CBNV sẽ nhận được những năng lực cần bổ sung, bồi dưỡng để có thể phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu nghề nghiệp của bản thân tại F.I.T.

Không những quan tâm đến việc nâng cao năng lực chuyên môn, FIT Group luôn chú trọng đến những hoạt động mang lại sự cân bằng sức khỏe cho CBNV như mở các lớp học yoga, tập nhảy, tập gym tại văn phòng.

Các hoạt động văn hóa gắn kết tại FIT Group luôn diễn ra sôi nổi và sáng tạo. Với nhiều sự kiện lớn, nhỏ diễn ra trong năm như: tiệc chào mừng năm mới, sinh nhật công ty, teambuilding, ngày phụ nữ Việt Nam, tiệc cuối năm... Mỗi sự kiện đều luôn để lại những ấn tượng sâu sắc về tinh thần đoàn kết, sự sáng tạo và nhiệt tình của toàn thể CBNV.

4. Trách nhiệm đối với cộng đồng tại địa phương

Năm 2020, Tập đoàn F.I.T và các công ty thành viên luôn đồng hành cùng xã hội thông qua các hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Trước ảnh hưởng của dịch Covid, F.I.T và các công ty thành viên đã đồng tâm hiệp lực thực hiện chương trình các chương trình lớn như “F.I.T chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng”, “Tiếp sức bệnh viện Nhiệt Đới Trung Ương chống dịch Covid 19”, tài trợ tiền mặt theo lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đồng hành cùng cả nước chống dịch.

Con bão lịch sử tại miền Trung trong năm vừa qua đã mang đến cho người dân nhiều thiệt hại. Ngay lập tức, Tập đoàn đã triển khai chương trình “FIT Group hướng về miền Trung”, quyên góp được trên 400 triệu đồng và chia thành hơn 700 phần quà trao tặng cho đồng bào chịu ảnh hưởng bởi bão lũ tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; hay chương trình “Cùng Đành Thạnh – Vikoda mang nguồn nước sạch đến miền Trung thân yêu” để xây dựng Quỹ nước sạch từ thiện cho người dân các tỉnh miền Trung.

Bên cạnh các chương trình xã hội có quy mô lớn, hàng tháng, hàng quý, Tập đoàn và các công ty thành viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên nhiều lĩnh vực như đời sống, giáo dục, y tế, thể thao..., tích cực chia sẻ yêu thương đối với cộng đồng và góp phần nâng cao đời sống của người Việt, có thể kể đến như các chương trình tặng quà cho các em nhỏ tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội IV tại Ba Vì; tặng xe đạp cho trẻ em nghèo hiếu học; tài trợ Ngày hội chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; đồng hành cùng các chương trình bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải; tài trợ các giải Golf cấp Quốc gia, cung cấp nước uống độc quyền trong các giải đấu;

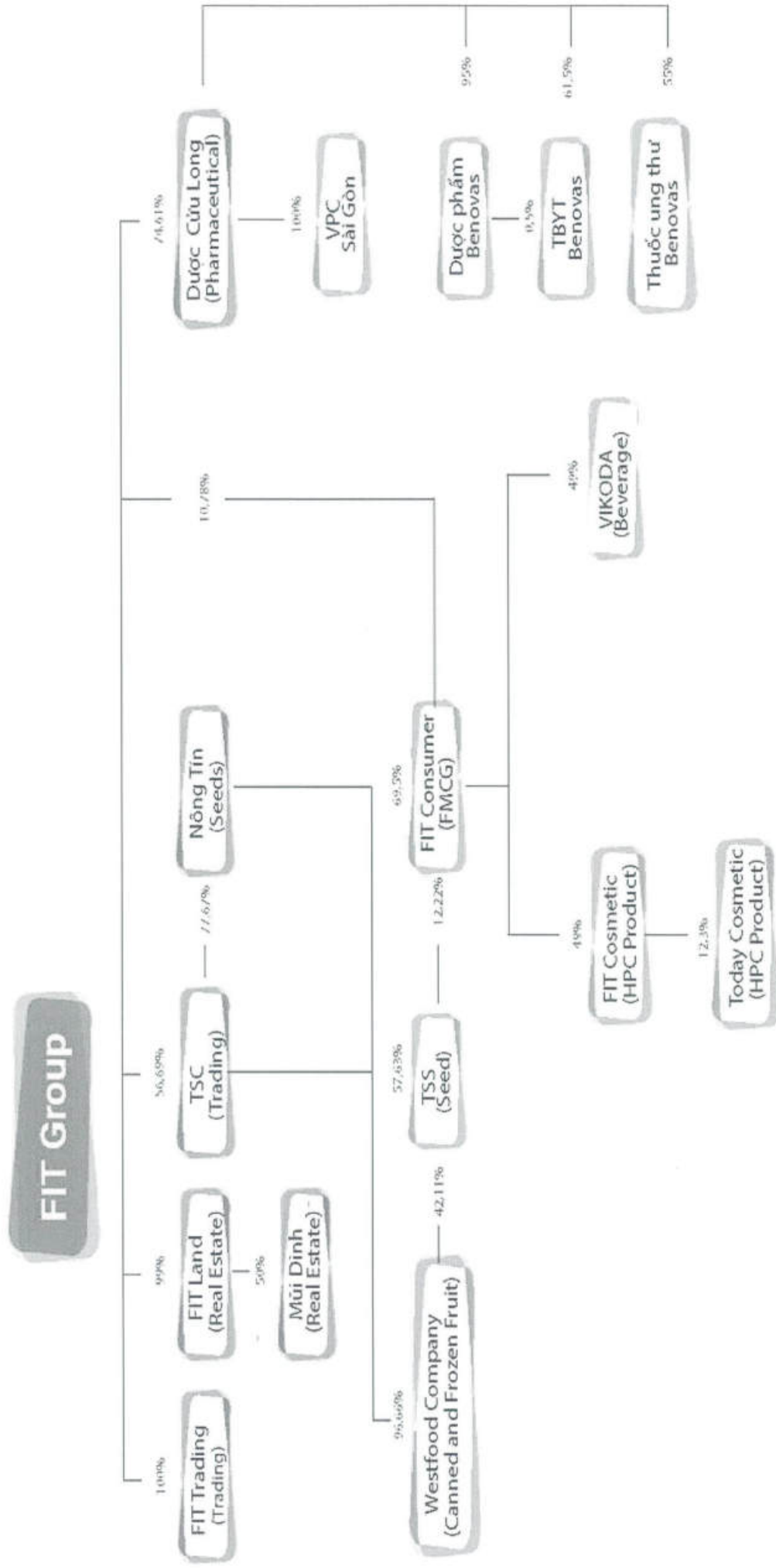
5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 22/3/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập:	9.940.000	3,9%	2	0	2
	- Trong nước	9.940.000	3,9%	2	0	2
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn:	145.331.823	57,05%	2	2	0
	- Trong nước	145.331.823	57,05%	2	2	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty:	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác:	99.458.424	39,04%	8727	53	8674
	- Trong nước	95.181.094	37,37%	8663	39	8624
	- Nước ngoài	4.277.330	1,68%	64	14	50
TỔNG CỘNG:		254.730.247	100%	8731	55	8676
Trong đó: - Trong nước		250.452.917	98,32%	8667	41	8626
- Nước ngoài		4.277.330	1,68%	64	14	50

6. Các đợt tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T trong năm 2020

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T không thực hiện tăng vốn điều lệ. Hiện tại, vốn điều lệ của Tập Đoàn F.I.T là 2.547 tỷ đồng

7. Cấu trúc của các công ty trong Tập đoàn



8. Thông tin của các công ty con do F.I.T sở hữu.

8.1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

- Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, Phường 5, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp: dược phẩm, capsule, các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu, hóa chất, nguyên liệu và các loại sản phẩm bao bì dùng trong ngành dược.
- Vốn điều lệ: 568.328.240.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500202535 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 09/11/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 05/9/2019.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 74,61% (tại thời điểm 31/12/2020).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 424,026,160,000 đồng.

8.2. Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ

- Địa chỉ: Số 1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Ngành nghề kinh doanh: Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại; thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản; nhập khẩu, kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp.
- Vốn điều lệ: 1.476.480.840.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 56,69% (tại thời điểm 31/12/2020).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 837.005.230.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2020).

8.3. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại F.I.T Việt Nam

- Địa chỉ: số 35 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu và phân phối nông, lâm sản, thực phẩm, nước giải khát, kinh doanh thương mại.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106567335 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2014 và thay đổi lần thứ 8 ngày 21/10/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 100% (tại thời điểm 31/12/2020).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2020).

8.4. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản FIT

- Địa chỉ: số 35 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; kinh doanh khác liên quan đến bất động sản....
- Vốn điều lệ: 320.000.000.000 đồng.

- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107499328 do Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/07/2016, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 9/7/2020.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 99,688% (tại thời điểm 31/12/2020).

9. Báo cáo của Hội đồng quản trị

9.1. Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Kiều Hữu Hoàn và ông Hứa Xuân Sinh, đồng thời thông qua việc bầu bổ sung thêm 02 Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Kiều Hữu Dũng và ông Cao Trọng Hoàn.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát là 420.000.000 đồng/năm, theo đó mức chi trả cho Chủ tịch HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng và các thành viên HĐQT là 4.000.000 đồng/người/tháng.

9.2. Công tác chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Từ đầu năm 2020 đến nay, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi. Điều này đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng. Chính vì vậy, trong năm HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động quản lý nguồn vốn, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm. Đồng thời, HĐQT đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương quyết định và hỗ trợ Ban Điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã điều chỉnh chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của Đại dịch Covid – 19 gây ra.

HĐQT đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với mô hình hoạt động mới và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty mẹ và các công ty con để hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài việc kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các phòng ban, HĐQT cũng đã ổn định lại cơ cấu nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quan hệ với Ban điều hành, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất khi xảy ra vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời giải quyết.

Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

9.3. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả 2020	% hoàn thành kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành 2020 so với 2019
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (i)	Tỷ VNĐ	1.181,5	1.383,5	1.188,4	85,9%	100,6%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	120,0	171,3	108,0	63,0%	90,0%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất (ii)	Tỷ VNĐ	92,1	136,2	83,4	61,2%	90,5%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	Tỷ VNĐ	70,2	99,9	56,5	56,5%	80,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ii)/(i)	%	7,8%	9,8%	7,0%	71,3%	90,0%

Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Tổng giám đốc công ty các công ty thành viên đẩy mạnh chủ trương tái cấu trúc, đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh để tiếp tục khẳng định và nâng cao vị thế, tầm vóc và uy tín của công ty trên thị trường với các ngành hàng chủ lực như: Dược phẩm, nước giải khát, chế biến xuất khẩu nông sản, tiêu dùng nhanh, bất động sản và du lịch nghỉ dưỡng.

Tại các mảng hoạt động chính, kết quả kinh doanh phản ánh và bám sát chiến lược chung của cả Tập đoàn.

Trong lĩnh vực dược phẩm: Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL) vẫn đang duy trì hoạt động ở cả ba lĩnh vực: Dược phẩm, Viên nang mềm và Thiết bị y tế.

DCL hiện sở hữu 4 nhà máy: bao gồm 2 nhà máy dược phẩm đạt chuẩn GMP – WHO; 1 nhà máy sản xuất dụng cụ y tế; 1 nhà máy sản xuất viên nang cứng rỗng Vicancap. Vicancap là đơn vị tiên phong tại Việt Nam sản xuất và cung ứng sản phẩm capsule (viên nang cứng rỗng) các loại. Các nhà máy hiện chạy công suất tối đa, với công nghệ tiên tiến được nhập từ Canada và Hàn Quốc.

Năm 2020, DCL đã xin được visa cho 2 loại thuốc chống ung thư, đây là các loại thuốc điều trị trong ung thư có nhu cầu cao tại Việt Nam, hứa hẹn sẽ mang lại doanh số hàng triệu đô trong thời gian tới, góp phần tích cực vào tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận. Trong năm 2020 doanh thu của DCL đạt gần 700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt gần 86 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực thực phẩm: Công ty CP chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (Westfood) cũng đã khẳng định được vị trí của mình trong thị trường. Cho đến nay, sản phẩm Westfood đã có mặt và được yêu thích ở nhiều quốc gia, châu lục trên thế giới như: Mỹ, Canada, Pháp, Hà lan, Ai Len, Nhật bản, Hàn Quốc, Úc... Đối tượng khách hàng của Westfood phần lớn là những tập đoàn, nhà máy sản xuất và chế biến thực phẩm công nghiệp có quy mô lớn như: Dole, Aeon, Atlanta, Port Royal... Trước tình hình khó khăn của dịch bệnh Covid – 19, Westfood cũng chủ động tăng thu mua và chọn thời điểm phù hợp để mua các nguyên liệu, chủ yếu là hoa quả, phục vụ chế biến. Từ quý III/2020 và những tháng tiếp theo, Westfood bắt đầu có được những đơn hàng sản phẩm mới và các dây chuyền đóng Cup mới bắt đầu đi vào hoạt động, nhờ đó doanh thu năm 2020 vẫn duy trì ổn định ở mức cao, đạt gần 293 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế

đạt gần 24 tỷ đồng. Đặc biệt Westfood đang tích cực mở rộng vùng nguyên liệu của mình để chủ động về nguồn nguyên liệu hoa quả đầu vào về sản lượng cũng như chất lượng.

Ngành hàng tiêu dùng nhanh: Trong mảng hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), một ngành hành có mức tăng trưởng từ 5 – 6%/năm của Việt Nam, hiện FIT Group đang sở hữu 2 công ty là Công ty cổ phần F.I.T Cosmetics – FCO và Công ty Cổ phần Today Cosmetics với các sản phẩm chăm sóc cá nhân và vệ sinh nhà cửa. Các dòng sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng của FIT Cosmetic đang đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Vì hiện nay, có gần 70% người tiêu dùng Việt Nam sẵn sàng chi trả cao hơn cho các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn. Xu hướng này dự kiến sẽ còn phát triển mạnh hơn nữa, vì người tiêu dùng ngày càng tìm kiếm sự đảm bảo nhiều hơn sau đại dịch Covid – 19. Bên cạnh đó, với dây chuyền sản xuất hiện đại Today Cosmetics còn là đơn vị gia công cho những các nhãn hiệu nổi tiếng. Trong năm 2020, các sản phẩm thuộc về chăm sóc cá nhân (Personal Care) có tăng trưởng hơn 50%. Trong số các sản phẩm Personal Care thì sản phẩm nước rửa tay sát khuẩn duy trì doanh số ở mức cao và được người tiêu dùng ưa chuộng.

Còn đối với công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa với 2 thương hiệu chính là Đánh Thạnh và Vikoda. Hiện doanh nghiệp đang ở hữu mỏ nước khoáng Đánh Thạnh, một mỏ khoáng có vi lượng khoáng silic rất nóng, đạt tiêu chuẩn quốc tế, có thành phần ổn định, cùng loại với nước khoáng Kuldur (Nga), Pavel Bania (Bulgari), Evian (Pháp), Bath (Anh). Đây là những loại nước khoáng đã được sử dụng và có tác dụng rất tốt trong việc chữa bệnh và phòng bệnh. Với những lợi thế về nguồn nước có độ kiềm tự nhiên cao từ 8.5 – 9.0, nên trong 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid – 19 lần thứ 2 nhưng doanh nghiệp vẫn có lợi nhuận trước thuế đạt gần 3,4 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực bất động sản: Du lịch nghỉ dưỡng được xác định là một ngành công nghiệp không khói và là mũi nhọn của Việt Nam trong tương lai dựa vào thế mạnh thiên nhiên ưu đãi như khí hậu, những bờ biển dài với những bãi cát tuyệt vời hiếm có trên thế giới. Năm 2019 Việt Nam ghi nhận trên 85 triệu lượt khách du lịch. Nhằm bắt được nhu cầu này, FIT Land - một công ty con của FIT Group đã ra đời với phương châm mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng. Hiện FIT Land là chủ đầu tư của dự án Mũi Dinh Panadan Ninh Thuận, với diện tích 766 ha tọa lạc trên một địa hình độc đáo không đâu có tại Việt Nam với núi đá, các đồi cát, các tiểu sa mạc nằm ngay sát các bãi biển hình vòng cung đẹp như trong mơ. Mũi Dinh Panadan không chỉ độc đáo do địa hình tự nhiên mà còn có sự độc đáo trong kiến trúc, lấy cảm hứng từ văn hóa Champa, và đặc biệt là khu resorts với dịch vụ hoàn hảo của tổ hợp du lịch có một không hai. Với giải nhất về thiết kế resort tại CityScape 2019, Mũi Dinh Panadan hứa hẹn sẽ là một điểm đến lý tưởng, thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước. Dự án dự kiến khởi công vào tháng 6/2021

9.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

9.4.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (i)	Tỷ VND	1.331,3
Tổng lợi nhuận trước thuế (ii)	Tỷ VND	217,6
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất (iii)	Tỷ VND	176,2
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	Tỷ VND	133,9

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần (ii)/(i)	%	16,3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (iii)/(i)	%	13,2%

9.4.2. Chiến lược và Định hướng hoạt động kinh doanh

Năm 2021 được FIT Group xác định là năm hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tạo đà cho cả Tập đoàn bước sang giai đoạn phát triển bền vững. Không những thế Tập đoàn sẽ khởi động các dự án để hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp tỷ đô đã đề ra. Theo đó, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của Tập đoàn cũng có những đột phá như: doanh thu đạt trên 1.331 tỷ, lợi nhuận trước đạt 217,1 tỷ.

Với những ngành hàng cơ bản đa dạng, phù hợp với lợi thế của nền kinh tế, sẽ không ngạc nhiên nếu tại các thị trường phát triển, FIT được coi như một tập đoàn đáng giá tỷ đô. Nhưng với thị trường như Việt Nam, đó là điều mà Tập đoàn đang hướng tới và xây dựng. Tạo dựng niềm tin trong giới đầu tư, với Tập đoàn, cũng quan trọng như quá trình tái cấu trúc hoạt động. Dù trong hoàn cảnh nào, Tập đoàn cũng luôn giữ và bảo vệ giá trị cốt lõi của mình: đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông, thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng và nhân sự chuyên nghiệp.

Với chiến lược này, HĐQT xây dựng chiến lược và định hướng hoạt động kinh doanh cho năm 2021 và các năm tiếp theo như sau:

- Tăng tiềm lực tài chính của Tập đoàn qua Huy động vốn tại các Công ty thành viên
- Xây dựng các Công ty con trở thành các công ty hàng đầu trong các ngành hàng: dược, tiêu dùng (nước), chế biến thực phẩm, Hóa mỹ phẩm, BĐS nghỉ dưỡng
- M&A các Công ty tốt, tiềm năng, ưu tiên trong các lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, mô, BDS, du lịch và vui chơi giải trí.
- Tạo dựng hình ảnh thương hiệu FIT & tăng cường quan hệ cổ đông
- Quản lý tập trung, chặt chẽ trên phạm vi toàn tập đoàn
- Các hoạt động quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng, trong đó, tập trung vào quản trị rủi ro tài chính của FIT, rủi ro tín dụng trong các dịch vụ tài chính, rủi ro hoạt động của công ty con, công ty liên kết;
- Xây dựng tổ chức tinh gọn và vận hành xuất sắc
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực và chính sách nhân sự. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và văn hóa doanh nghiệp
- Khởi công dự án Mũi Dinh Panadan
- Khởi công xây dựng nhà máy vật tư y tế Benovas

10. Báo cáo hoạt động của ban điều hành

10.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

10.1.1. Bức tranh kinh tế vĩ mô

Đặt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91% là một thành tích đáng ghi nhận.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 543,9 tỉ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 281,5 tỉ USD, nhập khẩu 262,4 tỉ USD. Điều này có nghĩa là trong năm qua, Việt Nam đã xuất siêu 19,1 tỉ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp.

Điểm sáng của xuất khẩu Việt Nam trong năm qua là có 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu

trên 10 tỉ USD và 31 mặt hàng trên 1 tỉ USD. 31 thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỉ USD, trong đó, 5 thị trường trên 10 tỉ USD, 8 thị trường trên 5 tỉ USD.

Dòng vốn FDI tiếp tục đổ về Việt Nam trong năm qua với 28,5 tỉ USD, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh tăng thêm và giá trị góp vốn, mua cổ phần. Con số này tuy giảm 25% so với năm 2019, nhưng trong bối cảnh chuỗi cung ứng đứt gãy và dịch COVID-19 lan rộng, thì đây là một thích tích đáng khích lệ.

Một trong những chỉ số đáng chú ý là năng suất lao động của toàn nền kinh tế trong năm 2020 đạt 117,9 triệu đồng/lao động, tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019.

Một điểm sáng đáng ghi nhận là năm 2020, cả nước có 134.900 doanh nghiệp đăng ký thành lập, với tổng số vốn đăng ký hơn 2.235.600 tỉ đồng. Con số này giảm 2,3% về số lượng nhưng tăng 29,2% về vốn đăng ký so với năm trước.

Số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 16,6 tỉ đồng, tăng 32,3% so với năm trước.

Cho dù gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn có đến 44.100 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2020, tăng 11,9% so với năm 2019.

Tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm qua là 179.000 doanh nghiệp, tăng 0,8%, tức trung bình mỗi tháng có 14.900 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm tạo ra sự tăng trưởng vững chắc cho Tập đoàn trong dài hạn. Cụ thể tập đoàn đã quyết liệt giảm mạnh hơn nữa doanh thu đến từ mảng nông nghiệp. Đẩy mạnh doanh thu đến từ một số mặt hàng tiêu dùng mà FIT Group đang có lợi thế cạnh tranh. Điểm nhấn hoạt động của F.I.T là tập trung đầu tư các ngành hàng, làm tăng giá trị các công ty thành viên.

10.1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Vượt qua những khó khăn do tác động nặng nề kéo dài từ dịch Covid 19, năm 2020, FIT Group và các Công ty con đều duy trì mức tăng trưởng cao và đạt kết quả sản xuất kinh doanh tích cực, lợi nhuận ghi nhận tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể, doanh thu năm 2020 của Tập đoàn đạt trên 1,188 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt trên 108 tỷ đồng. Nhiều công ty con của doanh nghiệp đạt mức lợi nhuận tăng trưởng rất cao.

Đứng đầu là Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL) – kết quả sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận sau thuế kỷ lục quý IV/2020 gần 26 tỷ đồng. Tính chung trong năm 2020, DCL có doanh thu đạt trên 690 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt gần 188 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt gần 86 tỷ đồng.

Ở lĩnh vực thực phẩm chế biến, Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm Miền Tây (Westfood) đạt 109% Lợi nhuận trước thuế. WF sở hữu giống dứa MD2 vượt trội về chất lượng và năng suất, năm 2021 Công ty dự kiến sẽ trồng và thu hoạch được ít nhất 250 ha dứa và phát triển 1.000 ha vùng nguyên liệu mới.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 2020	% hoàn thành kế hoạch	% tăng trưởng 2020 so với 2019
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (i)	Tỷ VNĐ	1.181,5	1.383,5	1.188,4	85,9%	0,6%

Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	120,0	171,3	108,0	63,0%	-10,0%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất (ii)	Tỷ VND	92,1	136,2	83,4	61,2%	-9,5%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	Tỷ VND	70,2	99,9	56,5	56,5%	-19,6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ii)/(i)	%	7,8%	9,8%	7,0%	71,3%	-10,0%

10.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Năm 2021 được FIT Group xác định là năm hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tạo đà cho cả Tập đoàn bước sang giai đoạn phát triển bền vững. Không những thế Tập đoàn sẽ khởi động các dự án để hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp tỷ đô đã đề ra. Theo đó, mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của Tập đoàn cũng có những đột phá như: doanh thu đạt trên 1.331,3 tỷ, lợi nhuận trước thuế 217,1 tỷ tăng 16,3% so với năm 2020. Theo đó:

Ngành Nông nghiệp - Thực phẩm: Tập trung phát triển Westfood trở thành công ty chế biến thực phẩm uy tín tại Vietnam, nằm trong Top 10 công ty hàng đầu Việt nam về chế biến hoa quả xuất khẩu và chủ động vùng nguyên liệu dẫn đầu là dứa MD2, thông qua các sản phẩm chất lượng, đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp. Trong năm 2021 tiếp tục phát triển các ngành hàng chủ lực dưới dạng OEM: IQF, đóng lon, Cup nhựa sản phẩm hoa quả chế biến khác. Bên cạnh đó, nắm chắc và mở rộng thị phần tại các thị trường cao cấp, có thu nhập cao như Nhật, Hàn, Châu Âu, Mỹ; Úc; các nước Châu Á phát triển; đặc biệt thị trường châu Âu.

Với ngành Dược phẩm: Trong năm 2021 DCL hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà máy Capsule 4 với sản lượng 2,4 tỷ viên nang/năm, nâng tổng khối lượng nang sản xuất lên gần 8 tỷ viên/năm. Đồng thời đầu tư Nhà máy Sản xuất Thiết bị y tế Benovas đạt chuẩn châu Âu trong quý I/2020 với giá trị trên 15 triệu USD. Hiện DCL – MA Holder của thuốc ung thư bán chạy nhất thị trường đã được Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế) cấp visa và kế hoạch sẽ phân phối hàng từ giữa năm 2021. Còn trong năm 2022, DCL sẽ khởi công xây dựng Nhà máy dược GMP-EU. Chính vì vậy, năm 2021, DCL đặt mục tiêu doanh thu 805 tỷ đồng tăng 19,93% so với năm 2020, lợi nhuận gộp đạt 301,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện mô hình bán hàng để tăng độ phủ của các sản phẩm Dược Cửu Long đến tất cả các địa phương trong cả nước và hướng đến xuất khẩu một số mặt hàng.

Về lĩnh vực ngành hàng FMCG: Tập đoàn đã định hướng cắt bỏ các dòng sản phẩm mang lại biên lợi nhuận thấp, tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đối với thương hiệu Vikoda, năm 2021 với phương châm “Fast to Win” Vikoda hội tụ đủ các yếu tố quan trọng là: Năng lực tài chính, đăng cấp uy tín thương hiệu và toàn thể nhân viên tập trung vào mục tiêu, hành động quyết liệt, nhanh chóng, phối hợp chặt chẽ làm việc với đồng đội cùng hướng đến mục tiêu chung như: Đạt doanh số qua việc chiến lược phát triển sản phẩm theo nhóm; Tối ưu hóa COGS; Mở rộng và tăng hiệu suất phân phối kênh GT; HRC; Thâm nhập kênh phân phối cao cấp, MT. Còn đối với lĩnh vực hóa mỹ phẩm Tập đoàn sẽ dồn nguồn lực cho R&D để tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, đưa ra một hai sản phẩm vượt trội giúp doanh thu cũng như thương hiệu được biết đến rộng rãi. Mục tiêu đưa F.I.T Consumer lên hàng ngũ những doanh nghiệp mạnh nhất trong ngành hàng FMCG.

11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

11.1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Lưu Đức Quang, đồng thời thông qua việc bầu bổ sung thêm 01 Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 là bà Nguyễn Thị Hồng Anh.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên BKS là 72.000.000 đồng/năm, theo đó mức chi trả cho Trưởng BKS là 3.000.000 đồng/tháng và các thành viên BKS là 1.500.000 đồng/người/tháng.

BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của Hội đồng quản trị ("HĐQT"), các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được các cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.

BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định

Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGĐ được thực hiện hiệu quả. BKS đã được HĐQT và BGĐ tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của BKS.

Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:

1. Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty.
2. Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
3. Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty.
4. Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty.
5. Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty.
6. Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2018 và các mục tiêu hoạt động khác của công ty.

11.2. Kết quả kiểm tra, giám sát

Ban Kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát cho Đại hội đồng Cổ đông với nội dung chi tiết như sau:

Giám sát công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể:

- Đối với công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh
- Ban Kiểm Soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Điều Hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm

2020 thông qua.

- Trên cơ sở đó, Ban Kiểm Soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều Hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động SXKD cũng như phù hợp và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như đưa ra các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.
- Ban Điều Hành đã bám sát các quyết sách này để triển khai các công việc cụ thể. HĐQT và Ban Điều Hành cùng với sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ nhân viên của Công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh nhất định.
- Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban điều hành.
Đối với công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:
 - Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
 - Công tác kế toán kịp thời đã giúp HĐQT và Ban điều hành có những quyết định phù hợp kịp thời với hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán trong kỳ.
 - Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 2020.
 - BKS đã thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT và Ban Điều hành cho Đại hội đồng cổ đông.
 - Ban Kiểm Soát đánh giá các báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.
 - Ban Kiểm Soát thống nhất với số liệu trong báo cáo tài chính kiểm toán 2020.
 - Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành.
 - Ban Kiểm Soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, cũng như đã bám sát các mục tiêu của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đề ra.
 - Ban Kiểm Soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành.
 - Ban Kiểm Soát nhất trí với nội dung báo cáo KQKD năm 2020 của Ban Điều Hành.
 - Ý kiến Cổ đông.
 - Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền dự đại hội, Ban Kiểm Soát không nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

11.3. Phương hướng hoạt động 2021 của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau trong năm tài chính 2021:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các công ty thành viên thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban kiểm soát.
- Thực hiện giám sát và kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty thành viên một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia gia quản lý góp vốn, hiệu quả vốn góp vào các công ty thành viên, các công ty liên kết của Công ty.
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của HĐQT và Ban điều hành đối với các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

12. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BTGD

12.1. HĐQT, BKS

STT	Chỉ tiêu	Số người	Thù lao phê duyệt (VND/người/tháng)	Tổng thù lao/ tháng
A	Thù lao Hội đồng Quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	6	4.000.000	24.000.000
B	Thù lao Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.000.000	3.000.000
2	Thành viên BKS	2	1.500.000	3.000.000
C	Tổng cộng			35.000.000

12.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Chỉ tiêu	Số người	Tổng thù lao, tiền lương đã chi trả thực tế năm 2020 (VND)
1	Ban Tổng Giám đốc	01	1.655.900.280 VND

13. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan với công ty niêm yết

13.1. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	0	9.840.000	3,86%	Mua
2	Kiều Anh Kiệt	Người liên quan của ông Kiều Hữu Dũng – Thành viên HĐQT	6.460.885	2,536%	5.592.055	2,195%	Bán
3	Bùi Hồng Hạnh	Người được ủy quyền CBTT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty	0	0	1.000	0,000004%	Mua
4	Bùi Hồng Hạnh	Người được ủy quyền CBTT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty	1.000	0,000004%	0	0	Bán
5	Trương Tú Tài	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Hồng Anh – Thành viên BKS	0	0	10.000	0,00004%	Mua
6	Trương Tú Tài	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Hồng Anh – Thành viên BKS	10.000	0,00004%	0	0	Bán

13.2. *Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:*

STT	Người có liên quan của công ty	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Dịch vụ tư vấn, cho thuê văn phòng
2	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Dịch vụ tư vấn, cho thuê văn phòng
3	Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa – FIT Beverage	Dịch vụ tư vấn, cho thuê văn phòng
4	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Dịch vụ tư vấn
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam	Dịch vụ tư vấn, cho thuê văn phòng, hợp tác đầu tư

6	Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Dịch vụ tư vấn, cho thuê văn phòng
7	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cho thuê văn phòng, hợp tác đầu tư.
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cho thuê văn phòng, hợp tác đầu tư.
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Cho thuê văn phòng
10	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Cho thuê văn phòng, hợp tác đầu tư.
11	Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Hợp tác đầu tư
12	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản DPV	Hợp tác đầu tư
13	Công ty Cổ phần FIT Consumer	Hợp tác đầu tư
14	Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Hợp tác đầu tư

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán (Chi tiết Báo cáo tài chính được đính kèm theo).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 56

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T

Tầng 5, tòa nhà Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2007, thay đổi lần 28 số 0102182140 ngày 27/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.547.302.470.000 VND, tương đương 254.730.247 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FIT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	
Ông Kiều Hữu Dũng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2020
Ông Cao Trọng Hoan	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2020
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Khá	Thành viên độc lập	
Ông Bùi Tuấn	Thành viên độc lập	
Ông Kiều Hữu Hoàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/6/2020
Ông Hứa Xuân Sinh	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 26/6/2020

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Ông Ninh Việt Tiến	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2020
Ông Lưu Đức Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/6/2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Tổng Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Số: 238/2021/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26/3/2021, từ trang 07 đến trang 56 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ và Công ty CP FIT Consumer - Công ty con chưa thực hiện ghi nhận lãi dự thu liên quan đến khoản đầu tư mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Hoa Sen Việt Nam do chưa chắc chắn được khoản lãi đầu tư trái phiếu tại thời điểm báo cáo. Đây là loại hình trái phiếu chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và kèm theo chứng quyền, tổng số lượng trái phiếu là 5.370.000 trái phiếu với mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 05 năm, lãi suất áp dụng trong trường hợp chọn chuyển đổi sang cổ phiếu của tổ chức phát hành là 0%/năm hoặc 5%/năm trong trường hợp không chuyển đổi sang cổ phiếu. Trường hợp Công ty lựa chọn không chuyển đổi toàn bộ trái phiếu tại ngày đáo hạn, tổng lãi lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 khoảng 121,5 tỷ đồng (bao gồm khoảng 4,8 tỷ đồng lãi dự thu cho giai đoạn trước khi nắm giữ), tại thời điểm 31/12/2019 khoảng 90,4 tỷ đồng.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 203/VACO/BCKIT.NV2 ngày 30/3/2020.



Phạm Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4061-2017-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.329.699.079.073	2.766.190.932.834
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	59.677.188.408	23.887.787.335
Tiền	111		30.677.188.408	23.887.787.335
Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.506.175.341.063	2.021.522.399.101
Chứng khoán kinh doanh	121	6	225.825.089.653	222.820.916.182
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	(5.410.754.674)	(16.274.574.909)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.285.761.006.084	1.814.976.057.828
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		464.430.774.557	418.689.972.941
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	300.672.069.402	305.999.290.584
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	87.130.582.775	80.499.600.863
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	164.197.618.716	118.002.050.213
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(87.569.496.336)	(85.810.968.719)
Hàng tồn kho	140	13	273.117.969.204	266.294.997.189
Hàng tồn kho	141		282.217.945.862	271.067.465.341
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.099.976.658)	(4.772.468.152)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.297.805.841	35.795.776.268
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	6.603.980.964	6.314.037.069
Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.221.414.039	27.649.108.473
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	2.472.410.838	1.832.630.726

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.954.278.380.789	2.518.519.715.732
Các khoản phải thu dài hạn	210		27.483.200.000	1.404.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	26.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	1.483.200.000	1.404.000.000
Tài sản cố định	220		469.932.154.832	500.473.228.258
Tài sản cố định hữu hình	221	11	373.867.095.233	401.334.450.656
- Nguyên giá	222		883.825.459.322	868.368.669.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(509.958.364.089)	(467.034.219.278)
Tài sản cố định vô hình	227	12	96.065.059.599	99.138.777.602
- Nguyên giá	228		104.516.562.731	105.884.298.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.451.503.132)	(6.745.520.935)
Bất động sản đầu tư	230	14	111.455.296.458	150.220.910.779
- Nguyên giá	231		122.545.141.615	167.467.407.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.089.845.157)	(17.246.496.226)
Tài sản dở dang dài hạn	240	15	83.828.886.638	40.881.470.362
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		19.199.914.458	13.089.459.280
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.628.972.180	27.792.011.082
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.155.358.069.010	1.694.604.269.265
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6	1.070.645.889.010	1.135.652.089.265
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6	25.952.180.000	25.952.180.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	58.760.000.000	533.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		106.220.773.851	130.935.837.068
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	14.535.891.854	16.615.666.254
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.041.347.043	2.671.023.704
Lợi thế thương mại	269	17	87.643.534.954	111.649.147.110
TỔNG TÀI SẢN	270		5.283.977.459.862	5.284.710.648.566

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.237.397.013.551	1.238.040.328.776
Nợ ngắn hạn	310		735.410.488.216	716.670.037.505
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	85.454.107.641	99.441.978.214
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.401.727.283	4.900.889.489
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	23.262.859.065	19.387.822.829
Phải trả người lao động	314		29.085.926.724	27.718.229.033
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	22.988.313.372	18.069.341.877
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		857.205.203	182.373.658
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	143.498.876.160	116.624.745.094
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	415.363.009.272	420.398.059.317
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.498.463.496	9.946.597.994
Nợ dài hạn	330		501.986.525.335	521.370.291.271
Phải trả dài hạn khác	337	21	4.213.897.423	1.568.212.082
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	39.844.439.997	71.343.610.529
Trái phiếu chuyển đổi	339	23	448.317.505.814	441.216.940.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		9.610.682.101	7.241.528.189
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24	4.046.580.446.311	4.046.670.319.790
Vốn chủ sở hữu	410		4.046.580.446.311	4.046.670.319.790
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.547.302.470.000	2.547.302.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.547.302.470.000	2.547.302.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		70.045.649.714	70.045.649.714
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		22.368.782.096	22.368.782.096
Vốn khác của chủ sở hữu	414		80.481.887.391	80.481.887.391
Quỹ đầu tư phát triển	418		886.852.413	886.852.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		319.736.718.203	275.944.516.773
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		263.284.154.757	205.716.280.853
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.452.563.446	70.228.235.920
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.005.758.086.494	1.049.640.161.403
TỔNG NGUỒN VỐN	440		5.283.977.459.862	5.284.710.648.566



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.209.550.300.382	1.190.273.001.592
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	21.123.316.963	8.798.394.982
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	1.188.426.983.419	1.181.474.606.610
Giá vốn hàng bán	11	28	922.170.707.896	925.908.678.313
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		266.256.275.523	255.565.928.297
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	134.225.237.094	199.947.686.410
Chi phí tài chính	22	30	58.782.496.667	66.990.222.166
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>40.821.139.149</i>	<i>45.776.820.026</i>
Lãi, lỗ đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		(5.139.204.086)	1.603.627.566
Chi phí bán hàng	25	31	129.464.413.851	166.634.998.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	105.560.627.644	113.670.801.238
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.534.770.369	109.821.219.956
Thu nhập khác	31	33	8.571.300.169	13.609.686.954
Chi phí khác	32	34	2.131.712.575	3.409.638.688
Lợi nhuận khác	40		6.439.587.594	10.200.048.266
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.974.357.963	120.021.268.222
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	23.624.097.549	23.799.584.003
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	998.830.573	4.145.326.484
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.351.429.841	92.076.357.735
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		56.452.563.446	70.228.235.920
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.898.866.395	21.848.121.815
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	222	276



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tông Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	107.974.357.963	120.021.268.222
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại	02	68.299.736.349	79.408.549.472
Các khoản dự phòng	03	4.457.973.327	21.116.000.662
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(476.638.570)	(330.968.558)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(111.303.058.447)	(192.612.545.575)
Chi phí lãi vay	06	40.821.139.149	45.776.820.026
Các điều chỉnh khác	07	(1.045.742)	39.848.900
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	109.772.464.029	73.418.973.149
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.949.634.447	(26.037.422.671)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(25.566.596.506)	75.109.087.563
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.359.148.414	54.869.671.931
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.187.873.389	5.042.893.294
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(3.004.173.471)	2.867.829.282
Tiền lãi vay đã trả	14	(33.745.659.727)	(39.068.588.048)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.444.424.809)	(11.239.714.628)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.020.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.023.583.404)	(6.259.993.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.504.682.362	128.702.736.265
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(108.118.447.723)	(23.940.254.377)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	46.384.194.223	299.704.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.737.927.109.356)	(3.089.435.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.719.658.708.864	3.027.808.804.674
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(109.578.000.000)	(322.920.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	59.599.173.000	170.150.611.876
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.405.580.136	112.403.040.612
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.575.900.856)	(125.633.092.670)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.400.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	4.600.963.095.566	2.497.415.403.938
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.637.497.316.143)	(2.517.396.608.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.134.220.577)	(19.981.204.320)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	35.794.560.929	(16.911.560.725)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.887.787.335	40.802.317.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.159.856)	(2.969.660)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	59.677.188.408	23.887.787.335



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2017, thay đổi lần 28 số 0102182140 ngày 27/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.547.302.470.000 VND, tương đương 254.730.247 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 VND. Tại ngày 31/12/2020, vốn điều lệ đã được góp đủ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2020 là 1.739 người (tại 31/12/2019 là 1.804 người).

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Các dịch vụ: bãi đỗ xe và các công trình công cộng; Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý tài chính kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

STT	Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty con cấp 1					
1	Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Cần Thơ	56,69%	56,69%	Kinh doanh các sản phẩm từ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Hà Nội	100,00%	100,00%	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản
3	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Vĩnh Long	74,61%	74,61%	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế
4	Công ty CP Đầu tư Bất động sản F.I.T	Hà Nội	99,69%	99,69%	Kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

STT	Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty con cấp 2					
5	Công ty CP Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	Cần Thơ	54,80%	96,66%	Chế biến nông sản
6	Công ty CP Hạt giống TSC	Cần Thơ	55,74%	99,74%	Kinh doanh hạt giống
7	Công ty CP FIT Consumer	Hồ Chí Minh	64,49%	100,00%	Kinh doanh hàng hóa tiêu dùng
8	Công ty CP Giống Cây trồng Nông Tín	Hồ Chí Minh	44,03%	77,67%	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng
9	Công ty CP Westfood Hậu Giang	Hậu Giang	53,70%	100,00%	Chế biến nông sản
10	Công ty Liên doanh Sản xuất Kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Lào	38,05%	51,00%	Giới thiệu thuốc
11	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mekkong	Vĩnh Long	74,61%	100,00%	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế
12	Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC-Sài Gòn	Hồ Chí Minh	74,61%	100,00%	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế
13	Công ty CP Dược phẩm Benovas (*)	Hồ Chí Minh	74,53%	99,93%	Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế
14	Công ty CP Thiết bị Y tế Benovas	Vĩnh Long	46,26%	62,00%	Sản xuất và kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế
15	Công ty CP Thuốc Ung thư Benovas	Hà Nội	41,04%	55,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	Khánh Hòa	31,60%	49,00%	Sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng
2	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Hồ Chí Minh	25,33%	39,28%	Phân phối ngành hóa mỹ phẩm
3	Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Ninh Thuận	49,84%	50,00%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn đồ uống

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas thực hiện tăng vốn từ cổ đông không kiểm soát với số tiền: 20.000.000 đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long giảm xuống từ 100% còn 99,93%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Đầu tư Dũng Tâm	Công ty mẹ
2	Công ty CP FIT Cosmetics	Công ty liên kết
3	Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa	Công ty liên kết
4	Công ty CP Mũi Dinh Ecopark	Công ty liên kết
5	Công ty CP Đầu tư KD	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
6	Công ty CP Phát triển Bất động sản DPV	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
7	Công ty CP Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
8	Công ty CP Khu du lịch Champarama	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
9	Công ty CP Today Cosmetics	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
10	Công ty CP Đầu tư Bắc Thủ đô	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
11	Công ty CP FCE Việt Nam	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
12	Công ty CP Xuất nhập khẩu TH Nam Sài Gòn	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
13	Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Cao Việt Mỹ	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
14	Công ty CP Đầu tư xây dựng nhà KD Sài Gòn	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
15	Công ty CP Cảnh Viên	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT
16	Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Có ảnh hưởng đáng kể

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

2.3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.4 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.5 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200, Thông tư 53, Thông tư số 202 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 ĐÁNH GIÁ VÀ GHI NHẬN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp số 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại điều 28 – Đánh giá và ghi nhận Theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Như đã trình bày ở trên, Luật kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này, theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính (trừ các khoản đầu tư dài hạn khác, đầu tư vào công ty con) được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý theo cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh;
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c nêu trên) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

3.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức phí khoản đầu tư so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ khoản đầu tư tại công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và không thực hiện phân bổ (tính từ năm 2015). Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa được khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3.4 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản cũng như công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán có giá trị thị trường bị giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Đối với cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá trị hợp lý được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường, Công ty không đánh giá giá trị hợp lý do không có đủ thông tin.

Tăng, giảm số trích lập dự phòng cần phải ghi nhận/hoàn nhập được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ đc ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán ban đầu theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá phần vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác căn cứ vào lỗ trên Báo cáo tài chính của đơn vị được đầu tư, trường hợp đơn vị được đầu tư có công ty con, căn cứ trích lập là Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc bổ sung/hoàn nhập dự phòng trích lập trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng vào chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 10
Súc vật, cây lâu năm	03 - 04
Tài sản cố định khác	10 - 20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và thương hiệu và phần mềm máy vi tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, đối với quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 47 năm.

3.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được sử dụng giống như các tài sản hác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, cải tạo, bảo trì và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

3.14 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.14 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

3.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Thành viên phê duyệt.

3.17 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.17 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng Thương mại tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Xác định được các giao dịch liên quan đến bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và
- Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.19 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.20 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi: Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định về thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.21 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	247.905.881	922.014.134
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.429.282.527	22.965.773.201
Các khoản tương đương tiền	29.000.000.000	-
	59.677.188.408	23.887.787.335

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Trống Đồng	49.613.862.588	-
- GROWENA IMPEX COMPANY	10.028.880.000	-
- Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	7.630.613.722	12.356.354.749
- PLASTOP SERVICE CORPORATION	3.483.782.654	-
- Công ty TNHH MTV Tân Thái Phong	2.640.025.020	2.640.025.020
- Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	1.777.799.211
- Công ty NITTA(NHATBAN)	-	1.695.790.000
- Ông Hoàng Ngọc Định	-	30.000.000.000
- Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	-	16.600.715.919
- Eulsung Auto Pack Co., Ltd	-	8.694.490.557
- Các đối tượng khác	11.955.619.580	6.734.425.407
	87.130.582.775	80.499.600.863
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.868.104.557)	(5.868.104.557)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng (*) VND	Giá gốc VND
I. Chứng khoán kinh doanh				
Đầu tư vào cổ phiếu	196.068.240.334	12.881.573.987	(5.410.754.674)	33.970.429.600
Cổ phiếu đã niêm yết trên sàn	10.302.201.028	10.301.398.104	(802.924)	19.956.764.120
Cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom	7.990.127.633	2.580.175.883	(5.409.951.750)	14.013.665.480
Cổ phiếu chưa niêm yết	177.775.911.673		172.575.911.673	
Đầu tư vào trái phiếu	29.756.849.319	29.756.849.319	-	-
Trái phiếu chuyển đổi Công ty CP đầu tư thương mại Hoa Sen Việt Nam (**)	29.756.849.319	29.756.849.319	-	-
	225.825.089.653	42.638.423.306	(5.410.754.674)	33.970.429.600
				(16.274.574.909)

(*) Dự phòng được trích lập căn cứ vào giá thực tế theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn về trích lập dự phòng:

- Đối với cổ phiếu đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá trị chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường, Công ty không đánh giá giá trị hợp lý và trích lập dự phòng do không có đủ thông tin.

(**) Khoản mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen theo hợp đồng số 01-18062020/MBTP/DNSE-FIT ngày 18/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T và Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Nam, loại hình trái phiếu chuyển đổi có tài sản đảm bảo, Ngày phát hành 11/08/2016, ngày đáo hạn 11/08/2021, mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất áp dụng trong trường hợp chọn chuyển đổi sang cổ phiếu của tổ chức phát hành tại ngày đáo hạn là 0%/năm hoặc 5%/năm trong trường hợp không chuyển đổi sang cổ phiếu. Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa ghi nhận lãi dự thu liên quan đến khoản đầu tư nêu trên do chưa chắc chắn về khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn cũng như lựa chọn chuyển đổi sang cổ phiếu của tổ chức phát hành hoặc không. Lãi dự thu cho giai đoạn trước khi nắm giữ là 4.818.493.151 đồng, cho giai đoạn sau ngày nắm giữ (18/06/2020) đến 31/12/2020 là 674.657.534 đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
II. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	2.285.761.006.084	2.285.545.862.356	(215.143.728)	1.814.976.057.828
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	437.110.454.794	437.110.454.794	-	668.115.000.000
- Trái phiếu (4)	560.051.712.818	560.051.712.818	-	10.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi (2)	499.900.000.000	499.900.000.000	-	513.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác (3)	788.698.838.472	788.483.694.744	(215.143.728)	623.861.057.828
+ Công ty CP đầu tư Thương Mại Hoa Sen Việt nam	120.410.000.000	120.410.000.000	-	320.731.407.000
+ Ông Nguyễn Ngọc Bích	135.925.459.944	135.925.459.944	-	9.500.000.000
+ Ông Cao Trọng Hoan	186.285.234.800	186.285.234.800	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Trí Việt	53.515.000.000	53.515.000.000	-	84.495.287.500
+ Nguyễn Trương Ban	215.143.728	-	(215.143.728)	-
+ Công ty CP Crystal Bay	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông sản Hưng Yên	241.173.000.000	241.173.000.000	-	99.795.068.000
+ Đốt tương khác	21.175.000.000	21.175.000.000	-	79.124.151.600
Dài hạn	58.760.000.000	58.760.000.000	-	533.000.000.000
Trái phiếu (4)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	513.000.000.000
Ông Cao Trọng Hoan (3)	57.760.000.000	57.760.000.000	-	20.000.000.000
	2.344.521.006.084	2.344.305.862.356	(215.143.728)	2.347.976.057.828
				2.347.760.914.100
				(215.143.728)

(1) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại, lãi suất dao động từ 5,5%/năm đến 9%/năm. Tổng giá trị các hợp đồng tiền gửi đang cầm có thể chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay nợ là 360.510.454.794 đồng.

(2) Hợp đồng chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12-13 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 8,2% đến 9%/năm. Tổng giá trị các chứng chỉ tiền gửi đang cầm có thể chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay nợ là 449.900.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Số dư khoản đầu tư bao gồm:

- Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các tổ chức, cá nhân với thời hạn từ 6-13 tháng, nhằm mục đích đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất, lợi nhuận cố định từ 6,5% đến 15%/năm. Tổng giá trị đầu tư đến thời điểm 31/12/2020 là 559.768.143.728 đồng.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03-23042018/HTDT/HOASEN ngày 23/04/2018 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu F.I.T và Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa Sen, kỳ hạn 24 tháng, mục đích hợp tác về việc đầu tư vào cổ phiếu VKD. Tại thời điểm thanh lý hợp đồng, hai bên sẽ tiến hành bán toàn bộ lô cổ phiếu, trường hợp có lãi các bên sẽ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, nếu bán lỗ Công ty được nhận lại toàn bộ vốn đã góp. Số dư tại 31/12/2020 là 15.410.000.000 đồng.

- Các hợp đồng hợp tác đầu tư với Ông Nguyễn Ngọc Bích nhằm mục đích đầu tư vào bất động sản, Lợi nhuận theo tỷ lệ vốn thực góp nhân với doanh thu từ bán và cho thuê sau khi trừ đi chi phí và phần vốn góp, tổng vốn góp tại 31/12/2020 là 135.925.459.944 đồng.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam và ông Cao Trọng Hoan nhằm mục đích hợp tác đầu tư đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua việc đầu tư vào bất động sản, tổng giá trị đến hiện tại là 135.355.234.800 đồng, lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ góp vốn bao gồm lợi nhuận từ việc bán và cho thuê. Tài sản đảm bảo là mọi tài sản và nguồn thu cá nhân thuộc quyền sở hữu của ông Cao Trọng Hoan. Đến thời điểm hiện tại chưa phát sinh lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Bao gồm:

- Khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ với số lượng 100 trái phiếu tại ngày 29/10/2019, mệnh giá là 10.000.000 VND, tổng giá trị 1.000.000.000 đồng, kỳ hạn trái phiếu là 7 năm, lãi suất trái phiếu bằng lãi suất tham chiếu+1%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán định kỳ 1 năm 1 lần.

- Khoản đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi của Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam (tổ chức phát hành), với số lượng trái phiếu là 5.120.000 trái phiếu, mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 5 năm, từ ngày 23/6/2016 đến ngày 23/6/2021. Trái phiếu được bảo đảm bằng 3.975.947 cổ phần của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa và 4.827.114 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sao Nam thuộc sở hữu của tổ chức phát hành. Lãi suất áp dụng trong trường hợp chọn chuyển đổi sang cổ phiếu của tổ chức phát hành là 0%/năm hoặc 5%/năm trong trường hợp không chuyển đổi sang cổ phiếu. Công ty chưa ghi nhận lãi dự thu do chưa chắc chắn về hình thức lựa chọn tại thời điểm đáo hạn. Trường hợp Công ty lựa chọn không chuyển đổi toàn bộ trái phiếu, tổng lãi lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là: 116.048.013.699 đồng (đến thời điểm 31/12/2019 là 90.448.013.699 đồng).

- Khoản đầu tư vào trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí, số lượng 200 Trái phiếu, mệnh giá 100.000VNĐ/trái phiếu, kỳ hạn 5 năm, lãi suất cố định 9%/năm, không có tài sản đảm bảo. Mục đích sử dụng tiền thu từ trái phiếu sẽ được tổ chức phát hành sử dụng cho hoạt động SXKD.

- Các hợp đồng đã ký với Công ty CP Chứng khoán VNDirect mục đích mua trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành. Tổng số lượng trái phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2020 là 2.665 trái phiếu, hình thức trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ, mệnh giá trái phiếu 10.000.000 đồng/trái phiếu. Thu nhập từ đầu tư trái phiếu bao gồm trái tức do Tổ chức phát hành thanh toán theo quy định các điều khoản của trái phiếu (trong trường hợp bên mua nắm giữ trái phiếu tại ngày chốt quyền) và số tiền bên Bán thanh toán để nhận lại trái phiếu theo lãi suất và các điều kiện trả lại trái phiếu được quy định theo từng hợp đồng (nếu bên mua thực hiện quyền trả lại vào ngày trả lại).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
III. Đầu tư tài chính dài hạn				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa	1.110.725.635.673	1.070.645.889.010	1.169.674.035.673	1.135.652.089.265
Công ty CP FIT Cosmetics (FCO)	364.580.855.673	371.158.090.338	364.580.855.673	370.115.648.023
Công ty CP chứng khoán Đại Nam (**)	423.224.780.000	375.267.989.888	423.224.780.000	382.465.043.798
Công ty CP Mũi Dinh Ecopark	-	-	58.948.400.000	59.866.996.170
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Ngô Việt Nam	322.920.000.000	324.219.808.784	322.920.000.000	323.204.401.274
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	25.952.180.000	-	25.952.180.000	-
	2.272.180.000		2.272.180.000	
	23.680.000.000		23.680.000.000	
	1.136.677.815.673		1.195.626.215.673	

Công ty Cổ phần FIT Cosmetics hoạt động trong lĩnh vực phân phối ngành hàng hóa mỹ phẩm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104344157 số 11/12/2009, thay đổi lần thứ 17 ngày 10/09/2020.

Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng và các sản phẩm từ nước khoáng theo Giấy CNDKKD số 4200283916 ngày 09/6/2006 thay đổi lần thứ 11 ngày 27/02/2019.

Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn đồ uống, vải, hàng may sẵn... được thành lập theo Giấy CNDKKD 4400605836 ngày 7/6/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/7/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(*) Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên số liệu trình bày trên chỉ tiêu giá trị hợp lý được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Giá trị hợp lý được trình bày là giá khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu;
- Đối với khoản đầu tư dài hạn khác chưa niêm yết: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý, nên công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Ngày 30/12/2020, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư cho Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Encapital, số lượng chuyển nhượng 3.983.000 cổ phiếu (tương ứng với tỷ lệ sở hữu 24,89%) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	300.672.069.402	305.999.290.584
- Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
- Sumstar Group Corp	15.322.128.900	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	8.115.340.200	8.816.711.200
- Công ty HH XNK Phúc Thuận Bằng Tường - Quảng Tây	4.995.148.200	3.331.946.400
- Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	4.976.554.629
- Công ty CP Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hoàng Gia Việt	3.836.111.310	3.836.111.310
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
- Crop'S Fruits NV	3.332.012.750	-
- Công ty Maxwill(Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
- Công ty Cổ phần Phở Việt	2.407.691.520	-
- NANNING HAI SHENGDA TRADING CO., LTD	1.547.081.033	5.290.190.017
- Công ty TNHH MTV Tư Vấn TM DV Hoa và Tiến	-	3.930.095.300
- Đối tượng khác	232.682.218.402	252.359.899.270
	300.672.069.402	305.999.290.584
Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan	4.024.606.459	3.219.769.340
- Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	3.367.072.240	3.018.953.240
- Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	284.608.824	200.816.100
- Chi nhánh Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	372.925.395	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(72.030.177.001)	(71.026.505.041)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	164.197.618.716	(9.456.071.050)	118.002.050.213	(8.701.215.392)
- Lãi dự thu	59.880.836.988	-	65.218.696.053	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	314.369.356	-	4.334.216.356	-
- Tạm ứng	4.264.622.692	(689.833.740)	4.539.663.779	(689.833.740)
- Phải thu khoản ứng tiền làm thủ tục XD nhà máy Sản Bình Định	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	100.007.000	-
- Phải thu Công ty CP Dược phẩm Euvipharm	-	-	25.473.200.622	-
- Phải thu khác	89.525.194.542	(5.266.237.310)	14.793.526.677	(4.511.381.652)
+ Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Hoa Sen Việt Nam (*)	59.859.907.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Tri Việt (*)	13.995.487.500	-	-	-
+ Khác	15.669.800.042	(5.266.237.310)	14.793.526.677	(4.511.381.652)
- Phải thu khác bên liên quan	6.712.595.138	-	42.739.726	-
+ Công ty CP FIT Cosmetics	6.712.595.138	-	29.589.041	-
+ Công ty CP Today	-	-	13.150.685	-
Dài hạn	1.483.200.000	-	1.404.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.483.200.000	-	1.404.000.000	-
	165.680.818.716	(9.456.071.050)	119.406.050.213	(8.701.215.392)

(*) Số dư gốc còn phải thu của các hợp đồng hợp tác đầu tư theo các Phụ lục hợp đồng đã ký, thời hạn thanh toán 01 năm từ thời điểm ký Phụ lục.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dài hạn	26.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn	26.000.000.000	-
	26.000.000.000	-

Phải thu từ các Hợp đồng cho vay số Hợp đồng cho vay số 113 đến 125/2020/HĐVV/NSG-FL ngày 24/08/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T (Công ty con) số tiền 26.000.000.000 đồng, lãi suất 14,8%/năm, thời hạn vay 36 tháng, không có tài sản đảm bảo, đổi lấy quyền mua nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án Khu dân cư Phú Mỹ, phường Phú Mỹ Quận 7 do Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn làm chủ đầu tư theo đúng giá.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	83.129.127.663	11.098.950.662	86.439.813.575	15.413.308.534
Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	-	16.428.897.499	-
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	4.976.554.629	-	4.976.554.629	-
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	-	3.520.000.000	-
Công ty Maxwell (ASIA) PTE LTD	3.508.884.959	-	3.508.884.959	-
Công ty CP SX-DV-TM Hoàng Gia Việt	3.836.111.310	-	3.836.111.310	-
Các đối tượng khác	50.858.679.266	11.098.950.662	54.169.365.178	15.413.308.534
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	215.143.728	-	215.143.728	-
Ông Nguyễn Trương Ban	215.143.728	-	215.143.728	-
Khoản trả trước cho người bán khó có khả năng thu hồi	5.868.104.557	-	5.868.104.557	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	-	2.640.025.020	-
Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.210	-	1.777.799.210	-
Các khoản khác	1.450.280.327	-	1.450.280.327	-
Các khoản phải thu khác khó có khả năng thu	9.456.071.050	-	8.713.146.695	11.931.302
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	5.956.071.050	-	5.213.146.695	11.931.302
	98.668.446.998	11.098.950.662	101.236.208.555	15.425.239.836
		(87.569.496.336)		(85.810.968.719)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện, vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
01/01/2020	209.970.606.362	608.659.515.376	35.387.802.307	14.154.810.788	195.935.101	868.368.669.934					
- Mua mới trong năm	589.457.000	14.050.897.470	3.690.014.455	778.010.679	-	19.108.379.604					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.607.044.761)	-	(44.545.455)	-	(3.651.590.216)					
- Phân loại lại	732.848.305	(573.782.850)	-	(60.540.000)	(98.525.455)	-					
31/12/2020	211.292.911.667	618.529.585.235	39.077.816.762	14.827.736.012	97.409.646	883.825.459.322					
HAO MÒN LŨY KẾ											
01/01/2020	(84.732.940.274)	(351.437.637.540)	(23.159.520.815)	(7.540.600.460)	(163.520.189)	(467.034.219.278)					
- Khấu hao trong năm	(10.956.324.393)	(30.254.156.984)	(3.072.718.735)	(2.269.617.271)	(9.852.540)	(46.562.669.923)					
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.593.979.657	-	44.545.455	-	3.638.525.112					
- Phân loại lại	(402.144.309)	322.796.097	(60.412.339)	63.797.468	75.963.083	-					
31/12/2020	(96.091.408.976)	(377.775.018.770)	(26.292.651.889)	(9.701.874.808)	(97.409.646)	(509.958.364.089)					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
01/01/2020	125.237.666.088	257.221.877.836	12.228.281.492	6.614.210.328	32.414.912	401.334.450.656					
31/12/2020	115.201.502.691	240.754.566.465	12.785.164.873	5.125.861.204	-	373.867.095.233					

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 199.251.616.136 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 184.818.477.223 đồng).
Giá trị TSCĐ còn lại cuối kỳ dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: 209.021.462.045 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 238.182.175.426 đồng đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2020	102.942.448.087	1.953.170.450	988.680.000	105.884.298.537
- Mua trong năm	107.889.576	-	-	107.889.576
- Tặng khác	7.937.047.443	-	-	7.937.047.443
- Thanh lý, nhượng bán	(9.412.672.825)	-	-	(9.412.672.825)
31/12/2020	<u>101.574.712.281</u>	<u>1.953.170.450</u>	<u>988.680.000</u>	<u>104.516.562.731</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2020	(5.784.761.149)	(782.247.568)	(178.512.218)	(6.745.520.935)
- Khấu hao trong năm	(1.490.655.147)	(165.893.050)	(49.434.000)	(1.705.982.197)
31/12/2020	<u>(7.275.416.296)</u>	<u>(948.140.618)</u>	<u>(227.946.218)</u>	<u>(8.451.503.132)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2020	<u>97.157.686.938</u>	<u>1.170.922.882</u>	<u>810.167.782</u>	<u>99.138.777.602</u>
31/12/2020	<u>94.299.295.985</u>	<u>1.005.029.832</u>	<u>760.733.782</u>	<u>96.065.059.599</u>

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 205.700.000 đồng (tại 01/01/2020 là 205.700.000 đồng).

Giá trị còn lại tại 31/12/2020 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 9.412.672.825 đồng (tại 01/01/2020 là 18.825.345.650 đồng).

13. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	17.236.969.950	-	7.532.296.985	-
- Nguyên liệu, vật liệu	99.199.887.138	(1.845.315.520)	87.390.295.561	(1.828.188.202)
- Công cụ, dụng cụ	10.073.639.021	-	8.790.973.909	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.412.974.396	-	11.292.824.884	-
- Thành phẩm	138.141.069.671	(2.277.938.289)	137.469.556.447	(2.103.574.674)
- Hàng hóa	10.153.405.686	(4.976.722.849)	18.591.517.555	(840.705.276)
	<u>282.217.945.862</u>	<u>(9.099.976.658)</u>	<u>271.067.465.341</u>	<u>(4.772.468.152)</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, hàng tồn kho với giá trị tồn kho bình quân tối thiểu 30 tỷ đồng tại mọi thời điểm được phản ánh trong sổ sách kế toán của Công ty là tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 301/KHDN/2016 ngày 30/09/2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ và Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	95.814.594.082	71.652.812.923	167.467.407.005
- Thanh lý, nhượng bán	(44.922.265.390)	-	(44.922.265.390)
Tại ngày 31/12/2020	50.892.328.692	71.652.812.923	122.545.141.615
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	(17.246.496.226)	-	(17.246.496.226)
- Khấu hao trong năm	(1.710.413.694)	-	(1.710.413.694)
- Thanh lý, nhượng bán	7.867.064.763	-	7.867.064.763
Tại ngày 31/12/2020	(11.089.845.157)	-	(11.089.845.157)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	78.568.097.856	71.652.812.923	150.220.910.779
Tại ngày 31/12/2020	39.802.483.535	71.652.812.923	111.455.296.458

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 29.069.461.385 đồng (tại 01/01/2020 là 67.557.118.158 đồng).

Bất động sản đầu tư của Công ty phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý này do chưa đủ cơ sở nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2020 chưa được trình bày trên Báo cáo tài chính.

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	19.199.914.458	-	13.089.459.280	-
<i>Chi phí vùng nguyên liệu (1)</i>	19.199.914.458	-	13.089.459.280	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	64.628.972.180	-	27.792.011.082	-
- Bản quyền phân phối thuốc độc quyền (2)	4.790.945.000	-	4.086.445.000	-
- Dự án nhà máy Caspule (3)	9.421.461.319	-	-	-
- Dự án nhà máy Vikimco	1.789.879.430	-	-	-
- Dự án nhà máy Dược phẩm (3)	34.982.404.515	-	-	-
- Mua đất chưa hoàn thành thủ tục sang tên (4)	8.754.994.083	-	16.619.138.626	-
- Đầu tư xây dựng nhà máy tại Hậu Giang	4.888.387.833	-	4.888.387.833	-
- Các công trình khác	900.000	-	2.198.039.623	-
	83.828.886.638	-	40.881.470.362	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN (TIẾP)

(1) Chi phí đầu tư cho dự án khóm trồng dưa ở Hậu Giang, dự án dự kiến kéo dài khoảng 4 năm, sau khoảng thời gian từ 1-2 năm sẽ thu hoạch được nguyên liệu khóm. Chi phí chủ yếu là giống khóm, tiền thuê đất, nhân công và khấu hao.

(2) Chi phí theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty Con là Công ty CP Thuốc Ung thư Benovas và Labosuan vào ngày 21/3/2017, theo đó Labosuan sẽ cung cấp các số liệu và thông tin liên quan để Công ty có thể đăng ký hồ sơ kinh doanh thuốc với Cục Quản lý Dược cho hai loại thuốc Capecitabine và Imtinib.

(3) Chi phí công trình theo hợp đồng thi công xây dựng số 37/2019/DCL - BK giữa Công ty với Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa về việc cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Nhà máy Dược phẩm và Nhà máy Capsule phục vụ đánh giá GMP - WHO năm 2020 tại số 150 đường 14/9, phường 5, TP. Vĩnh Long, số 21B Phan Đình Phùng, phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Công ty đã thực hiện quyết toán Công trình, đưa vào sử dụng, ghi nhận tăng tài sản cố định vào tháng 01/2021.

(4) Chi phí để sở hữu lô đất tại Phường An Bình quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đã phát sinh từ năm 2009 đến nay. Đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện xử lý để hoàn tất thủ tục sang tên.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	6.603.980.964	6.314.037.069
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.717.824.871	2.169.432.831
- Chi phí chuyển giao công nghệ nhà máy Thạch dừa	1.553.123.581	1.635.652.297
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định	174.420.230	-
- Chi phí trả trước khác	3.158.612.282	2.508.951.941
Dài hạn	14.535.891.854	16.615.666.254
- Chi phí dự án Westfood Hậu Giang chưa hoạt động	5.988.892.131	4.322.814.067
- Chi phí bảo trì, cải tạo chờ phân bổ	562.053.010	4.626.588.602
- Chi phí phân bổ dự án xưởng sản xuất thạch dừa	834.203.465	1.668.406.925
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.027.256.476	931.064.851
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.123.486.772	5.066.791.809
	21.139.872.818	22.929.703.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tại ngày đầu năm	111.649.147.110	159.586.054.547
Số tăng trong năm	-	3.612.211.470
Số phân bổ trong năm	(24.005.612.156)	(23.641.477.309)
Thanh lý công ty con	-	(27.907.641.598)
Tại ngày cuối năm	87.643.534.954	111.649.147.110

Giá trị còn lại lợi thế thương mại phát sinh khi mua các Công ty con sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi tiết:		
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	5.788.973.395	7.075.411.929
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	10.430.387.138	13.211.823.708
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	71.424.174.421	87.749.700.003
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (WFC)	-	3.612.211.470
	87.643.534.954	111.649.147.110

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Co., Ltd	4.132.458.000	4.132.458.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Constantia Việt Nam	3.734.649.028	3.734.649.028	7.578.886.829	7.578.886.829
PB GELATINS (HEILONGJIANG) CO,LTD	3.482.250.000	3.482.250.000	-	-
Công ty TNHH VN Chuan Li Can Manufacturing	1.827.003.217	1.827.003.217	1.605.431.426	1.605.431.426
DNTN Thương mại In Phước Châu	1.953.168.910	1.953.168.910	2.286.926.059	2.286.926.059
Ishan International PVT Limited - India	-	-	5.209.327.500	5.209.327.500
Phải trả khác	70.324.578.486	70.324.578.486	82.761.406.400	82.761.406.400
	85.454.107.641	85.454.107.641	99.441.978.214	99.441.978.214
Trong đó: phải trả người bán là bên liên quan	50.826.455.964	50.826.455.964	50.365.979.069	50.365.979.069
- Công ty CP FIT Cosmetics	16.327.101	16.327.101	-	-
- Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa	50.810.128.863	50.810.128.863	50.365.979.069	50.365.979.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	45.980.936	25.235.998.336	25.597.622.305	407.604.905
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	18.721.408.163	18.890.762.809	169.354.646
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.412.931.197	23.708.682.654	19.444.424.809	18.148.673.352
- Thuế thu nhập cá nhân	803.946.932	5.320.975.672	5.178.218.666	661.189.926
- Thuế tài nguyên	-	92.610.672	92.610.672	-
- Tiền thuê đất	-	1.945.798.097	1.946.798.097	1.000.000
- Thuế, Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	629.102.856	629.102.856	-
	23.262.859.065	75.654.576.450	71.779.540.214	19.387.822.829
	31/12/2020	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu/bù trừ trong năm	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	1.041.183.963	1.424.541.633	440.001.299	56.643.629
- Thuế xuất, nhập khẩu	70.202.203	1.964.045.704	2.303.141.462	409.297.961
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.335.819.465	460.000	1.125.854	1.336.485.319
- Thuế thu nhập cá nhân	25.205.207	-	4.998.610	30.203.817
	2.472.410.838	3.389.047.337	2.749.267.225	1.832.630.726

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	376.330.810	726.779.128
- Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mại, chiết khấu, thuê cửa hàng	9.133.314.220	7.986.755.381
- Trích trước chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	5.216.610.043	5.039.551.979
- Trích trước chi phí xây dựng	177.736.553	177.736.553
- Trích trước chi phí lãi phải trả trái phiếu	1.842.059.781	1.843.250.091
- Trích trước chi phí vận chuyển	728.448.943	161.877.272
- Trích trước chi phí xử lý vi sinh	333.591.606	205.942.855
- Phải trả khác	5.180.221.416	1.927.448.618
	22.988.313.372	18.069.341.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	143.498.876.160	116.624.745.094
- Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	2.080.115.837	1.580.690.475
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, đặt cọc	611.024.730	1.872.196.149
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	83.802.660	16.588.900
- Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (1)	110.420.361.272	103.284.138.233
- Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa (2)	27.847.406.482	7.717.077.715
- Phải nộp ngắn hạn khác	2.283.425.323	1.981.313.766
Dài hạn	4.213.897.423	1.568.212.082
- Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	4.000.000.000	-
- Phải trả khác	213.897.423	1.568.212.082
	147.712.773.583	118.192.957.176
Trong đó: phải trả bên liên quan	138.267.767.754	111.001.215.948
- Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa	27.847.406.482	7.717.077.715
- Công ty CP Mũi Dinh Ecopark	110.420.361.272	103.284.138.233

(1) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-10042020/HTDT/MD-FIT ngày 10/04/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T và Công ty Cổ phần Mũi Dinh, thời hạn hợp tác là 12 tháng tính từ ngày 11/04/2020. Mục đích hợp tác nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua việc hợp tác đầu tư trong thị trường Bất động sản Việt Nam. Bên góp vốn sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận cố định là 6%/năm mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hoạt động hợp tác.

(2) Số dư bao gồm:

- Tiền nhận cọc ký quỹ, ký cược ngắn hạn (thời hạn 1 năm) vô kết của Công ty FIT Consumer (FC) với các Nhà phân phối nước khoáng chuyển về cho Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda) tiếp nhận nghĩa vụ với các Nhà phân phối do FC ngừng phân phối độc quyền cho Vikoda, số tiền 7.717.077.715 đồng.
- Lãi và gốc từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-27072020/HTDT/VKD-FT ngày 27/07/2020 với Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa với số tiền gốc 20 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 27/07/2020, mục đích vay nhằm đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất thông qua việc hợp tác đầu tư trên thị trường kinh doanh nước khoáng. Trong mọi trường hợp, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa sẽ được trả lợi suất cố định 7,1%/năm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	383.865.334.322	383.865.334.322	4.600.963.095.566	388.900.384.367
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	105.033.074.725	105.033.074.725	1.218.060.495.132	156.637.620.697
- Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	77.120.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	114.262.408.059	114.262.408.059	377.747.638.031	76.876.295.952
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	55.553.416.210	55.553.416.210	168.152.342.800	69.576.447.878
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (4)	84.803.597.518	84.803.597.518	2.723.019.128.570	52.813.470.679
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (5)	14.212.837.810	14.212.837.810	36.366.273.945	27.996.549.161
- Đối tượng khác	-	-	497.217.088	-
Vay dài hạn đến hạn trả	31.497.674.950	31.497.674.950	31.499.170.532	31.497.674.950
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (6)	10.182.000.000	10.182.000.000	10.182.000.000	10.182.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Long (7)	21.315.674.950	21.315.674.950	21.317.170.532	21.315.674.950
	415.363.009.272	415.363.009.272	4.632.462.266.098	420.398.059.317
				420.398.059.317

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn				
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	2.545.000.000	2.545.000.000	-	(10.182.000.000)
Vượng (6)				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (7)	37.299.439.997	37.299.439.997	-	(21.317.170.532)
	39.844.439.997	39.844.439.997	-	(31.499.170.532)
				71.343.610.529
				71.343.610.529

(1) Số dư vay bao gồm:

- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2020/2268539/HĐTC ngày 07/04/2020 và Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi ngày 16/04/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T – Công ty mẹ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV Hai Bà Trưng. Tổng hạn mức thấu chi 50 tỷ VND, thời hạn thấu chi tối đa 59 ngày và nằm trong thời hạn của hạn mức thấu chi, lãi suất trong hạn 7,1%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Mục đích thấu chi là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cầm cố là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 72/2020/HĐTG.TX ngày 14/02/2020 kỳ hạn 12 tháng giá trị 25 tỷ VND và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 73/2020/HĐTG.TX ngày 14/02/2020 kỳ hạn 12 tháng giá trị 25 tỷ VND.
- Hợp đồng thấu chi số 01/2020/6883015/HĐBĐ ngày 18/02/2020, hạn mức thấu chi là 19.999.000.000 đồng giữa Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV Hai Bà Trưng, mục đích vay bù đắp thiếu hụt thanh toán, cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01.2020/HĐTG/FXK-HBT số tiền 20 tỷ đồng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/742762/HĐTD ngày 23/12/2019 với hạn mức cho vay tối đa là 50 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản dư nợ vay của Hợp đồng trên được chuyển tiếp sang năm 2021 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/742762/HĐTD ngày 11/01/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng thấu chi số 01/2020/HĐ ngày 10/07/2020 giữa Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV Thạch Thất, hạn mức thấu chi là 8.000.000.000 đồng, mục đích vay là bù đắp thiếu hụt thanh toán, cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2020/9595952/HĐTĐ số tiền 9.700.000.000 đồng. Lãi suất 6,3%/năm. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi từ ngày ký hợp đồng thấu chi đến ngày 20/05/2021.

(2) Số dư vay bao gồm:

- Hợp đồng vay hạn mức số 119/HĐTĐ-VLO.KH ngày 14/04/2020 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long với hạn mức cho vay không vượt quá là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị được xác định hình thành từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTĐ-VLO.KH ngày 03/07/2017 và khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại BIDV - CN Vĩnh Long, số tiền 31 tỷ đồng.

- Hợp đồng vay hạn mức số 17/DN/HM2020 ngày 05/02/2020 giữa Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, hạn mức vay 3,7 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, lãi suất theo từng Giấy nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng Bất động sản theo hợp đồng thế chấp số 76/DN/BD/2019 ngày 13/12/2019.

- Hợp đồng tín dụng số 03/DN/CTD/2020 ngày 16/01/2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung giữa Công ty Cổ phần chế biến xuất nhập khẩu Miền Tây và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long, hạn mức cấp tín dụng 50 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng đến 15/01/2021, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất được thông báo theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 20/2013/VBCT ngày 29/3/2013. Số dư USD tại ngày 31/12/2020 là 1.605.100 USD

(3) Số dư vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 27531.20.451.345764.TD ngày 18/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/05/2021. Thời hạn vay và lãi suất vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế của Công ty năm 2020-2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 17308.17.451.345764.BĐ ngày 21/09/2017, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 18431.17.451.345764.BB ngày 21/09/2017, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 5605.17.451.345764.BĐ ngày 19/05/2017 theo Văn bản sửa đổi/bổ sung Hợp đồng cho vay số 4084.17.451.345764.TD.PL02 ngày 21/09/2017 và được thế chấp bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ, số tiền: 15.345.945.205 đồng.

(4) Số dư vay bao gồm:

- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 2020.02/HMTD/VPB-FIT ngày 06/08/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T - Công ty mẹ và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Hạn mức thấu chi là 150.000.000.000 VND, thời hạn thấu chi 12 tháng kể từ ngày 06/08/2020. Lãi suất cho vay là 9,3%/ năm và cố định trong suốt thời gian duy trì hạn mức thấu chi. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cầm cố là khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số VPBFC/TGCKH-2973/2020 ngày 24/02/2020 với giá trị 20 tỷ VND; Xác nhận tiền gửi số 3771/NV-FC.20 ngày 14/09/2020 với giá trị 10.981.369.863 VND; Hợp đồng tiền gửi số VPBFC/TGCKH-3149/2020 ngày 21/09/2020 trị giá 11,7 tỷ VND và Hợp đồng tiền gửi số VPBFC/TGCKH-3241/2020 ngày 02/12/2020 trị giá 70 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng thấu chi số 01/2020/HMTC/VPB-VPC ngày 26/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở, hạn mức thấu chi là 100.000.000.000 đồng, mục đích vay là bù đắp thiếu hụt thanh toán, cầm cố bằng các chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị 60 tỷ đồng. Lãi suất theo từng lần rút vốn (từng lần thấu chi). Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi là 12 tháng tính từ ngày 26/3/2020. Thời hạn vay theo từng lần rút vốn tại các Phụ lục Hợp đồng có thời hạn không vượt quá thời hạn duy trì hạn mức thấu chi và không vượt quá thời hạn còn lại của tài sản đảm bảo.

(5) Số dư vay theo Hợp đồng vay số 52/2020-HĐCVHM/NHCT820-DCL ngày 15/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn của Hợp đồng hạn mức từ ngày 15/06/2020 đến hết ngày 05/06/2021. Thời hạn vay và lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp hàng hóa số 301/KHDN/2016 ngày 30/09/2016, 02 Hợp đồng thế chấp tài sản số 196, 197/KHDN/2017 ngày 31/08/2017 và Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 198/2019/HĐBBĐ/NHCT820 ngày 15/10/2019.

(6) Số dư vay theo hợp đồng số 070619-1206291-04-SME ngày 21/6/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T – Công ty mẹ và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long, số tiền vay 28 tỷ đồng, thời hạn cho vay từ 24/6/2019 đến 13/01/2022, mục đích vay dùng để thanh toán một phần tiền mua sàn tầng 5 - Khối dịch vụ thương mại văn phòng Dự án nhà ở kinh doanh kết hợp dịch vụ thương mại HACC1 Complex Building tại lô đất số 2.6 No đường Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội. Lãi suất cho vay theo thông báo lãi của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là Sàn văn phòng tầng 5, tòa nhà HACC1 Complex Building.

(7) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 06/HĐĐTĐA-VLO.KH ngày 03/07/2017 với tổng số tiền cho vay tối đa không vượt quá 111.915.145.300 đồng, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định là 7,6%/năm cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân, các kỳ sau lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Capsule III - Giai đoạn 1" tại số 21B, Phan Đình Phùng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành từ dự án Capsule 3 theo các Hợp đồng thế chấp từ số 200-202/HĐTC-VLO.KH ngày 03/07/2017

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	31.497.674.950	31.497.674.950
Trong năm thứ 2	23.860.674.950	31.497.674.950
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	15.983.765.047	39.845.935.579
Cộng	71.342.114.947	102.841.285.479
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	31.497.674.950	31.497.674.950
Số còn phải trả sau 12 tháng	39.844.439.997	71.343.610.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trái phiếu chuyển đổi	448.317.505.814	441.216.940.471
Cơ cấu nợ gốc trái phiếu (*)	450.262.888.849	444.125.538.978
Chi phí phát hành trái phiếu làm giảm nợ gốc	(1.945.383.035)	(2.908.598.507)
Thuyết minh (*)		
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	453.400.000.000	453.400.000.000
- Cơ cấu vốn chủ sở hữu	31.465.441.126	31.465.441.126
- Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu (1)	421.934.558.874	421.934.558.874
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu		
Số đầu năm	11.649.074.909	5.360.852.718
Số phân bổ tăng trong kỳ	6.465.767.783	6.288.222.191
Số cuối kỳ (2)	18.114.842.692	11.649.074.909
Cộng: Giá trị đánh giá lại chênh lệch tỷ giá nợ gốc cuối năm		
Số đầu năm	10.541.905.195	10.837.885.229
Chênh lệch tỷ giá trong năm	(328.417.912)	(295.980.034)
Số cuối kỳ (3)	10.213.487.283	10.541.905.195
Số dư tại thời điểm cuối kỳ =(1) + (2) + (3)	450.262.888.849	444.125.538.978

(*) Ngày 07/02/2018, Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long đã phát hành thành công 20.000.000 USD giá trị trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư RHINOS VIETNAM CONVERTIBLE BOND PRIVATE INVESTMENT FUND NO.3 do RHINOS ASSET MANAGEMENT CO., LTD quản lý với nội dung trái phiếu:

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành là 20.000.000 USD, mệnh giá 1.000.000 USD/trái phiếu, loại trái phiếu là trái phiếu chuyển đổi phát hành ra thị trường quốc tế, không có tài sản đảm bảo, được quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, lãi suất trái phiếu là 1%/năm tính bằng USD, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm kể từ ngày phát hành.

- Thời điểm có thể chuyển đổi là sau 01 (một) năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ hoặc một phần số lượng trái phiếu phát hành được chuyển đổi thành cổ phiếu DCL; với giá trị mệnh giá tối thiểu 5.000.000 USD và phần vượt quá là bội số của 1.000.000 USD, cổ phiếu chuyển đổi sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM sau khi chuyển đổi, giá chuyển đổi là 25.000 VND/cổ phiếu, tỷ giá chuyển đổi bằng mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu được dùng để đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, bổ sung vốn lưu động của Công ty và dự kiến cho Công ty con là Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas vay.

Cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận tại thời điểm phát hành được xác định theo lãi suất chiết khấu 2,5%/năm (lãi suất đáo hạn nếu trường hợp trái chủ không thực hiện quyền chuyển đổi) và định kỳ mỗi tháng sẽ phân bổ phần chênh lệch chi phí lãi trái phiếu tính trên lãi suất chiết khấu và lãi suất danh nghĩa vào cấu phần nợ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
Tầng 5, tòa Times Tower, 35 Lê Văn Lương, P. Nhân Chính,
Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND				
01/01/2019	2.547.302.470.000	70.045.649.714	22.368.782.096	80.481.887.391	886.852.413	211.114.452.530	1.036.426.683.774	3.968.626.777.918		
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	70.228.235.920	21.848.121.815	92.076.357.735		
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(82.070.315)	(117.929.685)	(200.000.000)		
- Giảm lợi ích Cổ đông không kiểm soát của DCL do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	(869.268.164)	(1.006.358.543)	(1.875.626.707)		
- Giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát của TSC	-	-	-	-	-	(4.446.833.198)	(2.564.212)	(4.449.397.410)		
- Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-					
31/12/2019	2.547.302.470.000	70.045.649.714	22.368.782.096	80.481.887.391	886.852.413	275.944.516.773	1.049.640.161.403	4.046.670.319.790		
01/01/2020	2.547.302.470.000	70.045.649.714	22.368.782.096	80.481.887.391	886.852.413	275.944.516.773	1.049.640.161.403	4.046.670.319.790		
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	19.020.000.000	19.020.000.000		
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	56.452.563.446	26.898.866.395	83.351.429.841		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.777.679.026)	(793.569.878)	(2.571.248.904)		
- CDKKS chuyển nhượng vốn cho công ty mẹ	-	-	-	-	-	(8.099.182.342)	(89.400.817.658)	(97.500.000.000)		
- Tăng/Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(2.783.500.649)	393.446.233	(2.390.054.416)		
31/12/2020	2.547.302.470.000	70.045.649.714	22.368.782.096	80.481.887.391	886.852.413	319.736.718.203	1.005.758.086.494	4.046.580.446.311		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu (Tiếp)

(*) Bao gồm phần ghi giảm lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ vào Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây số tiền 3.612.211.470 đồng và điều chỉnh do giải thể Công ty con cấp 2 và Công ty liên kết.

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	1.299.124.230.000	51,00%	1.299.124.230.000	51,00%
Cổ đông khác	1.248.178.240.000	49,00%	1.248.178.240.000	49,00%
	2.547.302.470.000	100%	2.547.302.470.000	100%

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.547.302.470.000	2.547.302.470.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.547.302.470.000	2.547.302.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24.4 Cổ phiếu

	31/12/2020 CP	01/01/2020 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	254.730.247	254.730.247
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	254.730.247	254.730.247
+ Cổ phiếu phổ thông	254.730.247	254.730.247
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	254.730.247	254.730.247
+ Cổ phiếu phổ thông	254.730.247	254.730.247
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	563.255,88	283.924,38
- Euro (EUR)	474,76	496,6

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Tại ngày đầu kỳ	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ	Tổng cộng
	01/01/2020 VND	01/01/2020 VND	01/01/2020 VND	43831 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	3.682.662.249.873	3.653.086.981.578	(2.051.038.582.885)	5.284.710.648.566
Tổng tài sản hợp nhất				5.284.710.648.566
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	356.344.831.885	947.780.742.600	(66.085.245.709)	1.238.040.328.776
Tổng nợ phải trả hợp nhất				1.238.040.328.776
Năm 2019				
	Miền Bắc VND	Miền Nam VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	12.690.905.020	1.168.783.701.590	-	1.181.474.606.610
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	10.726.367.399	-	(10.726.367.399)	-
Tổng doanh thu	23.417.272.419	1.168.783.701.590	(10.726.367.399)	1.181.474.606.610
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn	11.531.794.734	920.250.147.927	(5.873.264.348)	925.908.678.313
Lãi gộp	11.885.477.685	248.533.553.663	(4.853.103.051)	255.565.928.297
Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh liên kết	338.842.314	1.264.785.252	-	1.603.627.566
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	26.066.998.108	240.182.605.312	14.056.196.732	280.305.800.151
Lãi (lỗ) khác	2.835.721.716	7.451.235.640	(86.909.090)	10.200.048.266
Doanh thu tài chính	61.575.679.480	144.003.369.461	(5.631.362.531)	199.947.686.410
Chi phí tài chính	23.694.293.477	49.807.342.526	(6.511.413.837)	66.990.222.166
Lợi nhuận trước thuế	26.874.429.610	111.262.996.179	(18.116.157.567)	120.021.268.222
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.259.198.250	19.540.385.753	-	23.799.584.003
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	3.969.316.223	176.010.261	4.145.326.484
Lợi nhuận trong năm	22.615.231.360	87.753.294.203	(18.116.157.567)	92.076.357.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Bộ phận Theo lĩnh vực địa lý

Tại ngày cuối năm	Miền Bắc 31/12/2020 VND	Miền Nam 31/12/2020 VND	Loại trừ 31/12/2020 VND	Tổng cộng 31/12/2020 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	4.066.957.508.128	3.792.318.061.744	(2.575.298.110.010)	5.283.977.459.862
Lãi từ công ty liên kết				
Tổng tài sản hợp nhất				5.283.977.459.862
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	732.025.788.033	986.234.249.117	(480.863.023.599)	1.237.397.013.551
Tổng nợ phải trả hợp nhất				1.237.397.013.551
Năm 2020	Miền Bắc VND	Miền Nam VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	57.034.672.950	1.131.392.310.469	-	1.188.426.983.419
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	8.584.192.513	-	(8.584.192.513)	-
Tổng doanh thu	65.618.865.463	1.131.392.310.469	(8.584.192.513)	1.188.426.983.419
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn	56.428.514.336	870.731.003.829	(4.988.810.269)	922.170.707.896
Lãi gộp	9.190.351.127	260.661.306.640	(3.595.382.244)	266.256.275.523
Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh liên kết	1.015.407.509	(6.154.611.595)	-	(5.139.204.086)
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	28.438.152.857	191.218.341.631	15.368.547.007	235.025.041.495
Lãi (lỗ) khác	5.450.378.145	1.021.489.071	(32.279.622)	6.439.587.594
Doanh thu tài chính	77.692.254.698	80.059.379.880	(23.526.397.484)	134.225.237.094
Chi phí tài chính	53.735.709.039	37.220.245.486	(32.173.457.858)	58.782.496.667
Lợi nhuận trước thuế	11.174.529.583	107.148.976.879	(10.349.148.499)	107.974.357.963
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.460.234.862	22.163.862.687	-	23.624.097.549
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(730.581.501)	1.729.412.074	998.830.573
Lợi nhuận trong năm	9.714.294.721	85.715.695.693	(12.078.560.573)	83.351.429.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: Bộ phận tư vấn và đầu tư, Bộ phận sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Bộ phận sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Dưới đây là phân tích doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lĩnh vực tư vấn, đầu tư	65.618.865.463	22.168.672.419
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	460.146.103.503	418.018.072.991
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và thiết bị y tế	671.246.206.966	752.014.228.599
Loại trừ doanh thu nội bộ	(8.584.192.513)	(10.726.367.399)
	1.188.426.983.419	1.181.474.606.610

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo lĩnh vực kinh doanh của các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình, bất động sản đầu tư	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lĩnh vực tư vấn, đầu tư	66.726.969.651	115.331.741.240	1.723.049.224	283.345.303
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	221.281.939.803	219.064.089.748	20.168.058.643	6.093.542.793
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và thiết bị y tế	293.378.541.836	316.298.308.049	5.262.208.756	7.392.093.660
Cộng	581.387.451.290	650.694.139.037	27.153.316.623	13.768.981.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.150.592.142.932	1.176.037.784.763
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.375.588.340	1.392.156.002
Doanh thu cho thuê bất động sản	9.446.254.023	11.366.441.327
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	46.212.830.587	-
Doanh thu khác	1.923.484.500	1.476.619.500
	1.209.550.300.382	1.190.273.001.592
Chiết khấu thương mại	10.973.621.696	4.489.411.058
Giảm giá hàng bán	20.748.569	5.781.855
Hàng bán bị trả lại	10.128.946.698	4.303.202.069
	21.123.316.963	8.798.394.982
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.188.426.983.419	1.181.474.606.610

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa, thành phẩm	855.427.934.494	906.252.133.474
Giá vốn cung cấp dịch vụ	710.034.232	657.798.541
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	46.676.346.099	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê bất động sản	4.164.077.016	5.111.485.125
Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	13.503.332.482	12.349.435.221
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(234.500.927)	-
Giá vốn khác	1.923.484.500	1.537.825.952
	922.170.707.896	925.908.678.313

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	84.355.831.350	89.771.207.314
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.145.047.898	7.508.676.383
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.899.176.546	3.384.184.703
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh, đầu tư tài chính	4.030.931.106	5.950.825.836
Lãi hoạt động hợp tác đầu tư	37.794.250.194	93.293.961.234
Lãi thoái vốn	-	38.830.940
	134.225.237.094	199.947.686.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	28.719.013.151	33.869.603.499
Lỗ bán các khoản đầu tư	19.720.387.897	9.355.012.285
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	604.006.110	2.521.959.699
Trích dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào đơn vị khác	17.499.999	3.920.638.196
Hoàn nhập dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào đơn vị khác	(10.881.320.235)	-
Chi phí từ hoạt động hợp tác đầu tư	7.168.941.285	4.704.477.051
Chi phí lãi phải trả trái phiếu	11.138.910.526	10.946.632.792
Chi phí phát hành trái phiếu	963.215.472	960.583.735
Chi phí tài chính khác	1.331.842.462	711.314.909
	58.782.496.667	66.990.222.166

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Chi phí nhân viên	47.188.016.415	46.934.525.515
Chi phí đồ dùng văn phòng	244.865.314	773.880.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.643.414.035	1.819.425.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.851.621.887	103.839.506.794
Chi phí khác bằng tiền	7.536.496.200	13.267.660.324
	129.464.413.851	166.634.998.913
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên quản lý	38.602.000.486	41.423.470.188
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	867.790.350	655.803.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.494.323.558	7.308.308.922
Trích/hoàn nhập dự phòng phải thu	2.310.869.606	7.481.309.508
Thuế, phí, lệ phí	442.659.389	432.737.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.782.129.109	22.016.623.258
Phân bổ lợi thế thương mại	20.393.400.684	23.641.477.309
Các khoản chi phí khác	13.667.454.461	10.711.071.125
	105.560.627.644	113.670.801.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	473.351.834.476	526.851.314.861
Chi phí nhân công	201.784.482.008	213.539.205.065
Khấu hao tài sản cố định	48.017.088.944	55.877.825.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.743.882.818	48.870.224.806
Trích/hoàn nhập dự phòng phải thu	2.052.962.007	8.211.934.508
Chi phí bằng tiền khác	163.076.548.294	197.329.715.674
	939.026.798.548	1.050.680.220.357

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	173.181.818	227.254.545
Thu nhập khác	8.398.118.351	13.382.432.409
	8.571.300.169	13.609.686.954

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền điện cho thuê ngoài	1.807.031.951	3.264.068.288
Các khoản khác	324.680.624	145.570.400
	2.131.712.575	3.409.638.688

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.624.097.549	23.799.584.003
	23.624.097.549	23.799.584.003

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	998.830.573	4.145.326.484
	998.830.573	4.145.326.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	56.452.563.446	70.228.235.920
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.452.563.446	70.228.235.920
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ (CP)	254.730.247	254.730.247
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	222	276
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

38. THÔNG TIN KHÁC

38.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Số dư bên liên quan của Công ty:

STT Công ty	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1 Công ty CP Đầu tư Dũng Tâm - Phải thu khách hàng		979.210	-
2 Công ty CP FIT Cosmetics - Phải thu Hợp tác đầu tư - Phải thu khách hàng - Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư - Phải trả người bán - Phải thu khác	Công ty liên kết	8.475.000.000 3.739.997.635 1.366.898.628 16.327.101 5.362.792.400	42.500.000.000 3.018.953.240 29.589.041 - 5.158.115.996
3 Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa - Phải trả Hợp tác đầu tư - Phải trả lợi nhuận Hợp tác đầu tư - Phải thu khách hàng - Phải trả người bán - Phải trả khác	Công ty liên kết	20.000.000.000 488.246.575 284.608.824 50.810.128.863 7.717.077.715	- - 200.861.100 50.365.979.069 7.717.077.715
4 Công ty CP Mũi Dinh Ecopark - Nhận hợp tác đầu tư - Phải trả lợi nhuận hợp tác đầu tư		110.420.361.272 4.639.415.797	103.284.138.233 5.039.551.979
5 Công ty CP Today Cosmetics - Phải thu Hợp tác đầu tư - Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư		12.700.000.000 1.150.475.345	12.700.000.000 13.150.685
6 Ông Cao Trọng Hoan - Phải thu Hợp tác đầu tư - Phải thu lợi nhuận hợp tác đầu tư		244.045.234.800 10.526.826.019	20.000.000.000 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. THÔNG TIN KHÁC

38.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan:

STT	Công ty	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1	Công ty CP Mũi Dinh Ecopark			
	- Lợi nhuận phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư		6.354.153.342	5.039.551.979
	- Nhận tiền hợp tác đầu tư		17.511.933.515	128.384.138.233
	- Trả tiền hợp tác đầu tư		17.130.000.000	25.100.000.000
2	Công ty CP Today Cosmetics			
	- Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư		1.137.324.660	821.932.905
	- Thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư		-	1.025.084.442
	- Chuyển tiền hợp tác đầu tư		-	10.000.000.000
	- Thu hồi tiền hợp tác đầu tư		-	9.200.000.000
	- Mua hàng hóa, dịch vụ		170.136.000	-
3	Công ty CP Phát triển Bất động sản DPV			
	- Chuyển trả tiền hợp tác đầu tư		-	10.000.000.000
	- Thu hồi tiền hợp tác đầu tư		-	97.500.000.000
4	Công ty CP Đầu tư Dũng Tâm	Công ty mẹ		
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ		178.267.937	164.088.000
	- Tiền thu từ cung cấp dịch vụ		195.115.521	180.496.800
	- Lợi nhuận phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư		-	41.250.000
	- Trả tiền hợp tác đầu tư		-	10.000.000.000
5	Công ty CP FIT Cosmetics	Công ty liên kết		
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ		549.687.272	562.602.729
	- Hàng bán bị trả lại		6.025.008	25.569.434.166
	- Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư		2.323.610.957	2.957.711.414
	- Thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư		1.073.972.603	9.201.120.894
	- Bán hàng		230.184.000	-
	- Chuyển tiền hợp tác đầu tư		2.000.000.000	22.500.000.000
	- Thu hồi tiền hợp tác đầu tư		38.025.000.000	34.286.632.350
	- Mua hàng hóa, dịch vụ		231.341.788	45.133.183.458
	- Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ		81.309.998	1.492.392
	- Doanh thu từ bồi thường hàng hỏng		-	6.011.337.974
6	Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa			
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ		1.541.485.233	1.212.826.908
	- Tiền thu từ cung cấp dịch vụ		1.611.886.032	2.235.748.500
	- Nhận tiền hợp tác đầu tư		20.000.000.000	-
	- Mua hàng hóa, dịch vụ		2.083.214.582	2.436.931.692
	- Bán hàng		-	784.522.740
	- Trả lại hàng		68.575.000	602.732.861
	- Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ		76.434.045	-
	- Lợi nhuận phải trả từ hợp đồng hợp tác đầu tư		488.246.575	-
7	Ông Cao Trọng Hoan			
	- Chuyển tiền hợp tác đầu tư		224.045.234.800	20.000.000.000
	- Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư		10.526.826.019	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. THÔNG TIN KHÁC

38.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2020 (*) VND	Năm 2019 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	420.000.000	420.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.655.900.280	3.573.728.843
	2.075.900.280	3.993.728.843

(*) Chi tiết thu nhập năm 2020 bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2020
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	48.000.000
3	Kiều Hữu Hoàn	Thành viên HĐQT	23.333.333
4	Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT	48.000.000
5	Hứa Xuân Sinh	Thành viên độc lập HĐQT	23.333.333
6	Đỗ Văn Khá	Thành viên độc lập HĐQT	36.000.000
7	Bùi Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	36.000.000
8	Kiều Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	24.666.667
9	Cao Trọng Hoan	Thành viên HĐQT	24.666.667
10	Ninh Việt Tiến	Trưởng BKS	36.000.000
11	Lưu Đức Quang	Thành viên BKS	8.750.000
12	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	18.000.000
13	Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	9.250.000
14	Ông Đỗ Văn Khá	Thành viên HĐQT độc lập	12.000.000
15	Ông Bùi Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	12.000.000
16	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc	1.655.900.280
Tổng thu nhập			2.075.900.280

38.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Phan Thị Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu